



# **Báo cáo**

## **Đánh giá Rủi ro Thiên tai**

### **và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng**

### **Xã Tân Thủy, Huyện Lệ Thủy, Tỉnh Quảng Bình**

## MỤC LỤC

A.	Giới thiệu chung	4
1.	Vị trí địa lý	4
2.	Đặc điểm địa hình	4
3.	Đặc điểm thời tiết khí hậu	4
4.	Xu hướng thiên tai, khí hậu	4
5.	Phân bố dân cư, dân số	5
6.	Hiện trạng sử dụng đất đai	5
7.	Đặc điểm và cơ cấu kinh tế	6
B.	Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã	8
1.	Lịch sử thiên tai	8
2.	Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH	9
3.	Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH	9
4.	Đối tượng dễ bị tổn thương	11
5.	Hạ tầng công cộng	11
6.	Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê, kè)	13
7.	Nhà ở	13
8.	Nước sạch, vệ sinh và môi trường	14
9.	Hiện trạng dịch bệnh phổ biến	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
10.	Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý	15
11.	Hoạt động sản xuất kinh doanh	15
12.	Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	16
13.	Phòng chống thiên tai/TUBĐKH	17
14.	Các lĩnh vực/ngành then chốt khác	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
15.	Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TUBĐKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ)	18
C.	Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã	21
1.	Rủi ro với dân cư và cộng đồng	21
2.	Hạ tầng công cộng	26
3.	Công trình thủy lợi	29
4.	Nhà ở	31
5.	Nước sạch, vệ sinh và môi trường	33
6.	Y tế và quản lý dịch bệnh	35
7.	Giáo dục	36
8.	Rừng	37
9.	Trồng trọt	39
10.	Chăn nuôi	45
11.	Thủy Sản	48
12.	Du lịch	52
13.	Buôn bán và dịch vụ khác	52
14.	Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	55

15. Phòng chống thiên tai/TU'BDKH .....	55
16. Giới trong PCTT và BDKH.....	56
17. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác.....	60
D. Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp .....	61
1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BDKH .....	61
2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BDKH.....	62
3. Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
4. Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã .....	66
E. Phụ lục .....	67
1. Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá.....	67
2. Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn.....	67
3. Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá .....	69
F. Một số kiến thức tham khảo chung về Đánh giá rủi ro thiên tai .....	79
1. Khái niệm .....	79
2. Nội dung đánh giá.....	80

## A. Giới thiệu chung

Báo cáo được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý của Luật Phòng chống thiên tai (Luật PCTT) và yêu cầu thực tiễn của Đề án 1002 về Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng trong bối cảnh các tác động của biến đổi khí hậu đang ngày càng gia tăng tại Việt Nam, đòi hỏi cộng đồng dân cư cần củng cố kịp thời các giải pháp giảm rủi ro thiên tai và thích ứng theo hướng bền vững và lâu dài hơn.

Báo cáo này là kết quả tiến trình đánh giá rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu do cộng đồng thực hiện, chú trọng đến nhóm dễ bị tổn thương là trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật và người nghèo trong khu vực rủi ro cao, ở các lĩnh vực đời sống và xã hội của xã.

Các thông tin đánh giá rủi ro thiên tai được thu thập dựa trên các thông tin cơ bản của một số bản đồ thiên tai hiện có của Tỉnh do Tổng cục PCTT và các sở ban ngành tỉnh cung cấp, cũng như kết quả dự báo kịch bản biến đổi khí hậu của Bộ TNMT, là một trong các cơ sở quan trọng để hỗ trợ xã Xác định, đánh giá, phân vùng rủi ro thiên tai; theo dõi, giám sát thiên tai (Theo điều 17 Luật PCTT).

Các phân tích rủi ro trong báo cáo và các ưu tiên khuyến nghị của nhóm dễ bị tổn thương là những cơ sở quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch địa phương như kế hoạch phòng chống thiên tai (Điều 15, Luật PCTT) và lồng ghép nội dung Phòng chống thiên tai vào kế hoạch phát triển ngành và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội (Điều 16, Luật PCTT)

### 1. Vị trí địa lý

Tân Thủy là một xã nằm ở phía nam của huyện Lệ Thủy cách trung tâm huyện chừng 10km, cách Quốc lộ 1A khoảng 1,5km về phía Đông; xã Tân Thủy trải dài nằm ven sông Đâu Giang, phía Đông giáp xã Hưng Thủy; phía Bắc giáp xã Cam Thủy; phía Tây giáp xã Dương Thủy; phía Nam giáp xã Thái Thủy.

### 2. Đặc điểm địa hình

Xã Tân Thủy là vùng bán sơn địa, có điều kiện địa lý chia thành 2 khu vực (khu vực đồng bằng và khu vực gò đồi); chia thành 12 thôn, trong đó có 4 thôn thuộc vùng gò đồi bao gồm: Tân Đa; Tân Lộc; Tân Lược; Tân Truyền và 8 thôn thuộc vùng đồng bằng bao gồm thôn: Tân Thịnh; Tân Lý; Tân Bằng; Tân Thái; Tân Lạc; Tân Ninh; Tân Hạ; Tân Hòa.

Về khí hậu: Tân Thủy nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa điển hình chia làm 2 mùa: Mùa nóng (mùa khô) bắt đầu từ tháng 4 đến tháng 9. Mùa lạnh (mùa mưa) thường bắt đầu từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau.

**Thủy văn:** Hệ thống sông suối của xã tương đối đơn giản, trên địa bàn xã có sông Đâu Giang chảy qua và 3 đập chứa nước, nguồn nước tự chảy ở Bàu Sen. Đây chính là nguồn nước để cung cấp cho việc tưới tiêu cây trồng trên địa bàn toàn xã.

### 3. Đặc điểm thời tiết khí hậu

ST T	Chỉ số về thời tiết khí hậu	ĐVT	Giá trị	Tháng xảy ra	Dự báo BĐKH của tỉnh Quảng Bình năm 2050 theo kịch bản RCP 8,5 (*)
1	Nhiệt độ trung bình	Độ C	24,5°C		Tăng 1,5°C
2	Nhiệt độ cao nhất	Độ C	38-39°C	5-7	Tăng thêm khoảng 1,3-2,6°C
3	Nhiệt độ thấp nhất	Độ C	19-20°C	11-12	Tăng thêm/Giảm khoảng 1,6-1,8°C
4	Lượng mưa Trung bình	mm	1500-2000 mm	10-11	Tăng thêm khoảng 20-40 mm/đợt

(\*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật

### 4. Xu hướng thiên tai, khí hậu

TT	Nguy cơ thiên tai, khí hậu phổ biến tại địa phương	Giảm	Giữ nguyên	Tăng lên	Dự báo BĐKH của tỉnh Quảng Bình năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5 (*)
1	Xu hướng hạn hán			X	

2	Xu hướng bão			X	Tăng
3	Xu hướng lũ			X	Tăng
4	Số ngày rét đậm		X		Tăng
5	Mức nước biển tại các trạm hải văn				Tăng 25cm
6	Nguy cơ ngập lụt/nước dâng do bão			X	2,64% diện tích – 21,151,68ha
7	Một số nguy cơ thiên tai khí hậu khác xảy ra tại địa phương (giông, lốc, sụt lún đất, động đất, sóng thần)			X	Tăng

(\*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật

### 5. Phân bố dân cư, dân số

TT	Thôn	Số hộ	Số hộ phụ nữ làm chủ hộ	Số khẩu			Hộ nghèo	Hộ cận nghèo
				Tổng	Nữ	Nam		
1	Tân Đa	135	21	570	290	280	8	3
2	Tân Lộc	119	23	520	249	271	7	5
3	Tân Lược	94	16	435	207	228	3	4
4	Tân Truyền	112	6	520	264	256	3	0
5	Tân Thịnh	179	70	680	318	362	7	10
6	Tân Ly	81	10	315	168	147	5	2
7	Tân Bằng	111	23	433	228	205	4	9
8	Tân Thái	96	22	406	235	171	5	4
9	Tân Ninh	208	34	900	421	479	12	10
10	Tân Lạc	120	13	495	259	236	5	4
11	Tân Hòa	198	27	829	410	419	9	7
12	Tân Hạ	90	15	400	172	228	4	5
<b>Tổng</b>		1.543	280	6.503	3.221	3.282	72	63

### 6. Hiện trạng sử dụng đất đai

TT	Loại đất (ha)	Số lượng (ha)
<b>I</b>	<b>Tổng diện tích đất tự nhiên</b>	<b>2047,97</b>
<b>1</b>	<b>Nhóm đất Nông nghiệp</b>	<b>1671.96</b>
<b>1.1</b>	<b>Diện tích Đất sản xuất Nông nghiệp</b>	<b>1055.7</b>
<i>1.1.1</i>	<i>Đất lúa nước</i>	470.6

1.1.2	Đất trồng cây hàng năm (ngô, khoai, mì, mía)	94
1.1.3	Đất trồng cây hàng năm khác	324
1.1.4	Đất trồng cây lâu năm	82
<b>1.2</b>	<b>Diện tích Đất lâm nghiệp</b>	<b>617</b>
1.2.1	Đất rừng sản xuất	617
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	2
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	0
<b>1.3</b>	<b>Diện tích Đất nuôi trồng thủy/hải sản</b>	<b>84.6</b>
1.3.1	Diện tích thủy sản nước ngọt	84.6
1.3.2	Diện tích thủy sản nước mặn/lợ	0
<b>1.4</b>	<b>Đất làm muối</b>	<b>0</b>
<b>1.5</b>	<b>Diện tích Đất nông nghiệp khác</b> (Xây nhà kính phục vụ trồng trọt; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất uơm tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh)	<b>3</b>
<b>2</b>	<b>Nhóm đất phi nông nghiệp</b>	<b>70</b>
<b>3</b>	<b>Diện tích Đất chưa Sử dụng</b>	<b>12,28</b>
<b>4</b>	<b>Số % nữ cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với chồng</b>	
	- Đất nông nghiệp: Chưa cấp sổ đỏ	
	- Đất ở: 510 phụ nữ đứng chung tên ( 33% )	33%
<i>Ghi chú khác:</i> Không có số liệu ghi “0”		

## 7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế

T	Loại hình sản xuất	Tỷ trọng kinh tế ngành/tổng GDP địa phương (%)	Số hộ tham gia hoạt động Sản xuất kinh doanh (hộ)	Năng suất lao động bình quân/hộ	Tỷ lệ phụ nữ tham gia chính (%)
1	Trồng trọt	18,2	1095	4 (tấn/ha)	60
2	Chăn nuôi	10,4	950	15 (triệu VNĐ/năm)	89
3	Nuôi trồng thủy sản	6,8	1,200	27,5 (triệu VNĐ/năm)	45
4	Lâm nghiệp	6,5	630	26,2 (triệu VNĐ/năm)	30
5	Đánh bắt hải sản	0	0	(tấn)	0

6	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp	20	275	50 (triệu VND/năm)	30
7	Buôn bán	13,9	76	70 (triệu VND/năm)	75
8	Du lịch	0	0	(triệu VND/năm)	0
9	Ngành nghề khác- Vd. Đi làm ăn xa, thợ nề, dịch vụ vận tải.v.v	24,2	104	60 (triệu VND/năm)	50
<b>Ghi chú khác:</b> Không có số liệu ghi “0”					

**B. Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã**

**1. Lịch sử thiên tai**

Tháng/năm xảy ra	Loại thiên tai	Số thôn bị ảnh hưởng	Tên thôn	Thiệt hại chính		Số lượng	
9/2017	<b>Bão</b>	12 thôn	Tân Đa Tân Lộc Tân Lược T.Truyền T. Thịnh Tân Lý Tân Bằng Tân Thái Tân Lạc Tân Ninh Tân hạ Tân Hòa	1. Số người chết/mất tích (Nam/Nữ)	0	0	
				2. Số người bị thương: (Nam/Nữ)	0	nữ 01	
				3. Số nhà bị thiệt hại:	10		
				4. Số trường học bị thiệt hại:	0		
				5. Số trạm y tế bị thiệt hại:	0		
				6. Số km đường bị thiệt hại:	0		
				7. Số ha rừng bị thiệt hại:	297 ha		
				8. Số ha ruộng bị thiệt hại:	0		
				9. Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:	3,78 ha		
				10. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	0		
				11. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:	0		
				12. Các thiệt hại khác + Cây sắn + Cây cao su	8 ha 3,08 ha		
				<b>13. Ước tính thiệt hại kinh tế:</b>	1,996 (triệu VNĐ)		
19/2017	Lụt	12 thôn		Gia súc chết	36 con		
				Gia cầm chết	1,501 con		
				Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	5 ha		
				<b>Ước tính thiệt hại kinh tế:</b>	300 (triệu VNĐ)		
10/2016	Áp thấp nhiệt đới	12 thôn		Số nhà bị thiệt hại:	13		
10/2016	<b>Lụt</b>	12 thôn	Tân Đa Tân Lộc Tân Lược T.Truyền T. Thịnh Tân Lý Tân Bằng Tân Thái Tân Lạc	Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	84,6 ha		
				Cá Vụ 3 bị thiệt hại	159,1 ha		
				Số nhà bị ngập	596 nhà		
				Gia súc chết	322 con		
				Gia cầm chết	75.840 con		
Số km đường bị thiệt hại:	1 km						



			Tân Ninh Tân hạ Tân Hòa	Đê vỡ	1.300m
				Kênh mương hư hại	500m
				<b>Ước tính thiệt hại kinh tế:</b>	19,800 (triệu VNĐ)
	<b>Một số quan sát về nước biển dâng trong quá khứ</b>			<i>Thống kê tương tự 13 chỉ số trên</i>	0
	<b>Các loại thiên tai khác</b>			<i>Thống kê tương tự 13 chỉ số trên</i>	0
<b>Ghi chú khác:</b> Không có số liệu ghi “0”					
<b>Hướng dẫn điền</b>					
- <i>Cột 1: Ghi tháng/năm, nếu không nhớ tháng chỉ cần ghi năm; Thống kê các đợt thiên tai chính xảy ra trong vòng 10 năm (vd: Tính từ năm 2008 đến 2018)</i>					

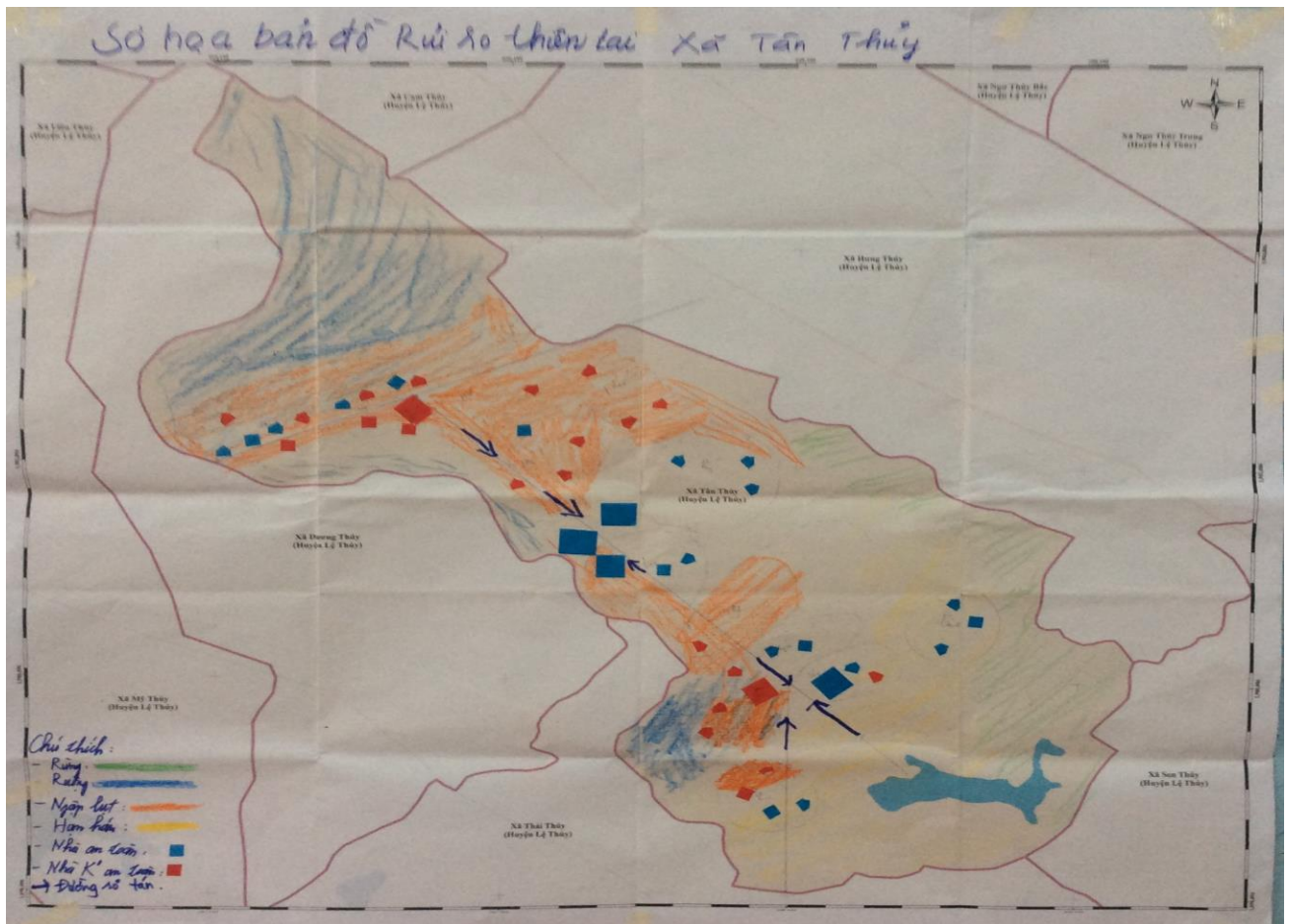
## 2. Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH

ST T	Loại Thiên tai/BĐKH phổ biến	Liệt kê các thôn thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai	Mức độ thiên tai hiện tại (Cao/Trung Bình/Thấp)	Xu hướng thiên tai theo kịch bản BĐKH 8.5 vào năm 2050 (Tăng, Giảm, Giữ nguyên)	Mức độ thiên tai theo kịch bản (Cao/Trung Bình/Thấp)
1	Bão	12 Thôn	Trung bình	Tăng	Cao
2	Lũ lụt	11 thôn trừ thôn Tân Lược	Trung bình	Tăng	Cao
3	Hạn Hán	12 Thôn	Thấp	Tăng	Cao
4	Ngập lụt do nước dâng do bão	12 Thôn	Thấp	Tăng	Cao
5	Các dạng thiên tai khác	12 Thôn	Thấp	Tăng	Trung bình

**Ghi chú khác :** Các loại thiên tai được quy định trong luật PCTT

**Nhận xét:**

## 3. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH



**4. Đối tượng dễ bị tổn thương**

TT	Thôn	Đối tượng dễ bị tổn thương														
		Trẻ em dưới 5 tuổi		Trẻ em từ 5-18 tuổi		Phụ nữ có thai*	Người cao tuổi		Người khuyết tật		Người bị bệnh hiểm nghèo		Người nghèo		Người dân tộc thiểu số	
		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng
1	Tân Đa	27	66	62	141	5	47	84	9	20	5	9	19	34		
2	Tân Lộc	27	51	59	132	0	47	85	14	28	3	3	9	16		
3	Tân Lực	12	28	30	69	1	40	76	2	7	2	2	10	18		
4	Tân Truyền	26	48	40	85	2	44	71	3	6	2	4	4	6		
5	Tân Thịnh	26	48	42	94	2	50	92	18	39	2	4	14	21		
6	Tân Lý	12	32	19	36	1	28	49	9	15	0	0	6	15		
7	Tân Bằng	9	22	41	66	5	32	60	3	3	0	0	0	0		
8	Tân Thái	17	40	26	61	3	26	50	5	7	1	2	10	18		
9	Tân Ninh	32	65	52	102	2	46	96		3	0	3	14	35		
10	Tân Lạc	20	45	49	115	2	30	65	12	20	1	3	4	8		
11	Tân Hòa	27	54	101	151	11	86	140	5	9	2	7	19	36		
12	Tân Hạ	29	58	46	89	8	19	38	3	6	1	3	9	18		
<b>Tổng</b>		<b>264</b>	<b>557</b>	<b>567</b>	<b>1141</b>	<b>42</b>	<b>495</b>	<b>906</b>	<b>83</b>	<b>163</b>	<b>19</b>	<b>40</b>	<b>118</b>	<b>225</b>		

**5. Hạ tầng công cộng**

**a) Điện**

TT	Hệ thống điện	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị tính	Hiện trạng	
					Kiên cố	Chưa kiên cố
1	Cột điện	Toàn xã		Cột	1267	172
2	Dây điện	Toàn xã		Km	66.125	2.2
3	Trạm điện	Toàn xã		Trạm	11	0

**b) Đường và cầu cống**

TT	Đường, Cầu cống	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Hiện trạng		
					Nhựa	Bê Tông	Đất
<b>1</b>	<b>Đường</b>						
	Đường quốc lộ	0	0	Km	0	0	0
	Đường huyện	3 thôn	0	Km	0	2	0
	Đường xã	6 thôn	2012-2013	Km	1.5	5.6	0

	Đường thôn	12 thôn	2012-2013	Km	1.5	30.5	19.5
	Đường nội đồng	12 thôn	2012-2013	km	0	0	42.5
<b>2</b>	<b>Cầu, Cống</b>	<b>Thôn</b>	<b>Năm xây dựng</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Kiên cố</b>	<b>Yếu/không đảm bảo tiêu thoát</b>	<b>Tạm</b>
	Cầu giao thông	12 thôn	2012-2013	cái	10	2 ( Tân Thái 2)	1 ( Tân Lộc)
	Cống	12 thôn	2012-2013	cái	46	21	1 ( Tân Ly)
<i>Ghi chú khác:</i> Không có số liệu ghi “0”							

**c) Trường**

TT	Trường	Thôn	Năm xây dựng	Số phòng	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	Mầm non**	Tân Lạc	0	22	14	8	0
2	Trường Tiểu học số 1	Tân Ninh	0	22	14	8	0
3	Trường Tiểu học số 2	Tân Lộc	0	20	17	3	0
4	Trường THCS	Tân Bằng	0	28	28	0	0

**d) Cơ sở Y tế**

TT	Cơ sở Y tế	Thôn	Năm xây dựng	Số Giường	Số phòng	Hiện trạng		
						Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	Trạm y tế	Tân Bằng	2001	6	8	8	0	0
2	Cơ sở khám	0	0	0	0	0	0	0

*Ghi chú khác:* Không có số liệu ghi “0”

**e) Trụ Sở UBND và Nhà Văn Hóa**

TT	Trụ sở	Thôn	Năm xây dựng	Số lượng	Đơn vị	Hiện trạng		
						Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	Trụ Sở UBND	Tân Bằng	2011	17	Phòng	17	0	0
2	Nhà văn hóa xã	Tân Bằng	2011	1	1	1	0	0
3	Nhà văn hóa thôn	12 thôn	2012-2014	12	Cái	0	12	0

**Ghi chú khác:** Không có số liệu ghi “0”

**f) Chợ**

TT	Chợ	Thôn	Năm xây dựng	Số lượng	Đơn vị	Hiện trạng		
						Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	Chợ huyện/xã	Tân Ninh	2017	1	Cái	0	1	0
2	Chợ tạm/chợ cóc	0	0	0	Cái	0	0	0

**Hướng dẫn điền**

**6. Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê, kè)**

TT	Hạng mục	Đơn vị	Năm xây dựng	Số lượng		
				Kiên cố	Bán kiên cố	Chưa kiên cố (không an toàn)
1	Đê	Km	0	0	0	6
2	Kè	Km	0	0	0	0
3	Kênh mương	Km	0	27.9	0	27.2
4	Cống	Cái	0	126	27	8
5	Đập thủy lợi	Cái	0	3	0	0
6	Trạm bơm	Cái	0	4	0	0

**Ghi chú khác:** 2 Trạm bơm tại thôn Tân Hòa, Trạm bơm Hối Nặng đã được xây dựng và đi vào hoạt động

**7. Nhà ở**

TT	Tên thôn	Số hộ	Nhà kiên cố	Nhà bán kiên cố	Nhà thiếu kiên cố	Nhà đơn sơ
1	Tân Đa	135	31	103	1	0
2	Tân Lộc	119	31	86	1	1
3	Tân Lực	94	25	68	1	0
4	Tân Truyền	112	29	82	1	0
5	Tân Thịnh	179	43	133	2	1
6	Tân Ly	81	10	69	1	1
7	Tân Bằng	111	24	86	1	0
8	Tân Thái	96	17	78	1	0
9	Tân Ninh	208	48	157	3	0
10	Tân Lạc	120	30	89	1	0
11	Tân Hòa	198	46	152	0	0
12	Tân Hạ	90	16	74	0	0
Tổng		1543	350	1177	13	3

**8. Nước sạch, vệ sinh và môi trường**

TT	Tên thôn	Số hộ	Số hộ tiếp cận nguồn nước sinh hoạt					Số hộ sử dụng nhà vệ sinh		
			Giếng (đào/khoan)	Nước máy	Trạm cấp nước công cộng	Tự chảy y	Bể chứa nước	Hộp vệ sinh (tự hoại, bán tự hoại)	Tạm	Không có
1	Tân Đa	135	135	0	0	0	0	133	2	
2	Tân Lộc	119	119	0	0	0	0	114	5	
3	Tân Lược	94	94	0	0	0	0	90	4	
4	Tân Truyền	112	112	0	0	0	0	108	4	
5	Tân Thịnh	179	179	0	0	0	0	175	4	
6	Tân Ly	81	81	0	0	0	0	80	1	
7	Tân Bằng	111	111	0	0	0	0	108	3	
8	Tân Thái	96	96	0	0	0	0	92	4	
9	Tân Ninh	208	208	0	0	0	0	204	4	
10	Tân Lạc	120	120	0	0	0	0	117	3	
11	Tân Hòa	198	198	0	0	0	0	197	1	
12	Tân Hạ	90	90	0	0	0	0	88	2	
<b>Tổng</b>		1543	1537	0	0	0	0	1506	37	

**9. Hiện trạng dịch bệnh Phổ Biến**

TT	Loại dịch bệnh phổ biến	Trẻ em	Phụ nữ	Nam giới	Trong đó Người cao tuổi	Trong đó Người khuyết tật
1	Sốt rét	0	0	0	0	0
2	Sốt xuất huyết	0	0	0	0	0
3	Viêm đường hô hấp	153	65	59	28	03
4	Tay chân miệng	0	0	0	0	0
5	Số ca bệnh phụ khoa (thường do đk nước sạch và vệ sinh không đảm bảo)	0	188	0	0	0
<i>Ghi chú khác:</i> Không có số liệu ghi “0”						
<i>Hướng dẫn điền</i>						



**10. Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý**

TT	Loại rừng	Năm trồng rừng	Thôn	Tổng diện tích (ha)	Tỷ lệ thành rừng	Các loại cây được trồng bản địa	Các loại hình sinh kế liên quan đến rừng	Diện tích do dân làm chủ rừng
1	Rừng ngập mặn	0	0	0	0	0	0	0
2	Rừng trên cát	0	0	0	0			0
3	Rừng tự nhiên	0	Tân Lạc, Tân Ninh	2	2			
4	Diện tích quy hoạch trồng <u>rừng ngập mặn</u> nhưng chưa trồng	0	0	0	0			
5	Diện tích quy hoạch trồng <u>rừng trên cát</u> nhưng chưa trồng	0	0	0	0			
6	Rừng khác	1999-2001	12 thôn	615	615			615
	<b>Tổng</b>			617	617			

*Ghi chú khác:* Rừng trên địa bàn xã bao gồm rừng thông, chàm, cao su.

**11. Hoạt động sản xuất kinh doanh**

TT	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Đơn vị tính	Số lượng	Số hộ tham gia	Tỷ lệ nữ	Đặc điểm sản xuất kinh doanh	
						Tiềm năng phát triển (*)	Tỷ lệ (%) thiệt hại (**)
1	Trồng trọt						
	a. Lúa	Ha	470	1095	75%	Cây chủ lực	20%
	b. Hoa màu	Ha	94	750	78%		10%
	c. Cây lâu năm	Ha	82	476	43%		50%
	d. Cây hàng năm	Ha	324	860	70%		20%
	e. Cây ăn quả	Ha	52.1	540	50%		50%
2	Chăn nuôi						
	a. Gia súc	Con	3,886	950	80%		3%
	b. Gia cầm	Con	39,133	90	89%	Được chú trọng phát triển	10%
3	Thủy Hải Sản Đánh bắt						
	a. Người dân đi biển	Hộ	0				0

	b. Tàu thuyền gần bờ	Tàu	0				0
	c. Tàu thuyền gần bờ	Tàu	0				0
4	Thủy hải sản Nuôi trồng						
	a. Bãi nuôi	Ha	0				
	b. Ao, hồ nuôi	Ha	85	1,200	505		60%
	c. Lồng bè	Cái	0				
	d. Cá vụ 3 ( trên ruộng lúa, sau khi gặt lúa hè Thu)	Ha	136	150	30%	Tiềm năng, hình thức nuôi đặc biệt chỉ có xã Tân Thủy có	90%
	e. Hồ nuôi ếch	Ha	12,95	420	50%	Tiềm năng phát triển	40
5	Du lịch		1				
	a. Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn	Điểm/khách sạn	0				
	b. Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điểm/trung tâm	0				
6	Buôn bán và dịch vụ khác	Điểm	95	95	80%		20%

**Ghi chú khác:** Không có số liệu ghi “0”; Lưu ý về chủ rừng khác: doanh nghiệp, lâm trường, v.v.

**Hướng dẫn điền**

(\*) Mục tiềm năng phát triển: ghi rõ đánh giá của cộng đồng/xã xem đây có phải là ngành kinh tế chủ lực và xu hướng đầu tư phát triển của người dân và xã đối với ngành/lĩnh vực này trong 10-20 năm tới.

(\*\*) Mục này điền số % - dựa trên kết quả nhận định chung về mức độ thiệt hại do thiên tai **thường xuyên** xảy ra với lĩnh vực này

**12. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm**

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng	Địa bàn Thôn
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	97	12 thôn
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	100	12 Thôn
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	Loa	38	12 thôn
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, cồng, chiêng, v.v.) tại thôn	%	100	12 thôn
5	Số trạm khí tượng, thủy văn	Trạm	0	0
6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Hộ	100% hộ	12 thôn



7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	Hộ	1495	12 thôn
<b>Ghi chú khác:</b>				

### 13. Phòng chống thiên tai/TƯBDKH

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Số lượng thôn có kế hoạch/phương án Phòng chống thiên tai và/hoặc kế hoạch thích ứng BĐKH hàng năm	Thôn	0	12 thôn
2	Số lượng trường học có kế hoạch PCTT hàng năm	Trường	4	Mầm non Tiểu học số 1 Tiểu học số 2 THCS
3	Số lần diễn tập PCTT trong 10 năm qua tại xã	Lần	0	
4	Số thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN của xã	Người	35	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	5	Phụ trách hậu cần thực hiện nhiệm vụ BCH
	- Số lượng đã qua đào tạo QLRRTT-DVCD hoặc đào tạo tương tự về PCTT, trong đó số nữ là bao nhiêu	Người	0	Chưa được tập huấn về PCTT
5	Số lượng lực lượng thanh niên xung kích, chữ thập đỏ, cứu hộ-cứu nạn tại xã	Người	90	Chưa được tập huấn về kỹ năng cứu hộ- sơ cấp cứu
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	10	Tham gia cứu hộ
6	Số lượng Tuyên truyền viên PCTT/TƯBDKH dựa vào cộng đồng	Người	0	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	0	
7	Số lượng Phương tiện PCTT tại xã:			
	- Ghe, thuyền:	Chiếc	Xã : 1 Thôn :	Tân Hòa/Hạ/Ninh/Thị nh
	- Áo phao	Chiếc	7	
	- Loa cầm tay	Chiếc	2	
	- Đèn pin	Chiếc	15	
8	- Máy phát điện dự phòng	Chiếc	0	
	- Lều bạt	Chiếc	0	
	- Xe vận tải	Chiếc	0	

9	Số lượng vật tư thiết bị dự phòng			
	- Số lượng gói/đơn vị hóa chất khử trùng tại chỗ	Đơn vị	0	
10	Số lượng thuốc y tế dự phòng tại chỗ	Đơn vị	1 cơ sở	
11	Khác....			
<b>Ghi chú khác:</b> Không có số liệu ghi “0”				

**14. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác**

Lĩnh vực/ ngành nghề khác	Thôn	Đơn vị tính	Số lượng	Số người tham gia	Tỷ lệ nữ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Xưởng may công nghiệp	Tân Lạc	Xưởng	1	110	91%	Cơ sở tư nhân
Xưởng sản xuất gỗ có cơ sở bán kiên cố	Tân Ninh	Xưởng	1	10	0%	Cơ sở tư nhân

**15. Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TUBDKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ)**

TT	Liệt kê các loại Kiến thức, Kinh nghiệm & Công nghệ	Tân Đa	Tân Lộc	Tân Lực	Tân Truyền	Tân Thịnh	Tân Ly	Khả năng của xã (Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai (ứng phó, phòng ngừa và khắc phục)	Cao 85% dân có kiến thức và có ý thức	Cao 85% dân có kiến thức và có ý thức	Cao 85% dân có kiến thức và có ý thức	Cao 85% dân có kiến thức và có ý thức	Cao 85% dân có kiến thức và có ý thức	Cao 85% dân có kiến thức và có ý thức	Cao
2	Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng							
	- Điện	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
	- Đường và cầu cống	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
	- Trường	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao

	- Trạm	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
	- Trụ sở UBND, Nhà Văn hóa	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
	- Chợ	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
3	Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi	100 % công trình	100 % công trình	100 % công trình	100 % công trình	100 % công trình	100 % công trình	Cao
4	Kỹ năng và kiến thức chống nhà cửa	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
5	Kiến thức giữ gìn vệ sinh và môi trường	100% hộ dân	100% hộ dân	100% hộ dân	100% hộ dân	100% hộ dân	100% hộ dân	Cao
6	Khả năng kiểm soát dịch bệnh của đơn vị y tế	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
	Ý thức vệ sinh phòng ngừa dịch bệnh của hộ dân	90% hộ	90% hộ	90% hộ	90% hộ	90% hộ	90% hộ	
7	Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
8	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
9	Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
	<b>Khả năng của thôn</b> (Cao, Trung Bình, Thấp)	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
<b>TT</b>	<b>Liệt kê các loại Kiến thức, Kinh nghiệm &amp; Công nghệ</b>	<b>Tân Bàng</b>	<b>Tân Thái</b>	<b>Tân Ninh</b>	<b>Tân Lạc</b>	<b>Tân Hòa</b>	<b>Tân Hạ</b>	<b>Khả năng của xã</b> (Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai (ứng phó, phòng ngừa và khắc phục)	Cao 85% dân có kiến thức và có ý thức	Cao 85% dân có kiến thức và có ý thức	Cao 85% dân có kiến thức và có ý thức	Cao 85% dân có kiến thức và có ý thức	Cao 85% dân có kiến thức và có ý thức	Cao 85% dân có kiến thức và có ý thức	Cao
2	Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng							
	- Điện	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
	- Đường và cầu cống	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
	- Trường	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao

	- Trạm	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
	- Trụ sở UBND, Nhà Văn hóa	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
	- Chợ	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
3	Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi	100 % công trình	100 % công trình	100 % công trình	100 % công trình	100 % công trình	100 % công trình	Cao
4	Kỹ năng và kiến thức chống nhà cửa	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
5	Kiến thức giữ gìn vệ sinh và môi trường	100% hộ dân	100% hộ dân	100% hộ dân	100% hộ dân	100% hộ dân	100% hộ dân	Cao
6	Khả năng kiểm soát dịch bệnh của đơn vị y tế	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
	Ý thức vệ sinh phòng ngừa dịch bệnh của hộ dân	90% hộ	90% hộ	90% hộ	90% hộ	90% hộ	90% hộ	
7	Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
8	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
9	Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
	<b>Khả năng của thôn</b> <i>(Cao, Trung Bình, Thấp)</i>	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao

**C. Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã**

**16. Rủi ro với dân cư và cộng đồng**

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
LỤT	Tân Đa	135	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 192 người ở trong 60 nhà trong vùng thường ngập lụt</li> <li>- Có 165 đối tượng dễ bị tổn thương</li> <li>- 55% người không biết bơi</li> <li>- 95% trẻ em từ 5-18 tuổi chưa biết bơi</li> <li>- 20% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 5 nhà cao tầng trong thôn, có thể làm nơi sơ tán</li> <li>- Có 1 NVH thôn cao</li> <li>- Có 5 điểm sơ tán tập trung của xã</li> <li>- Thôn có Ban PCTT thôn và có đội cứu hộ thôn, 80% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó lụt</li> </ul>	Nguy cơ thiệt hại về người	Thấp
	Tân Lộc	119	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 130 người ở trong 40 nhà trong vùng thường ngập lụt</li> <li>- Có 160 đối tượng dễ bị tổn thương</li> <li>- 55% người không biết bơi</li> <li>- 95% trẻ em từ 5-18 tuổi chưa biết bơi</li> <li>- 20% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 6 nhà cao tầng trong thôn, có thể làm nơi sơ tán</li> <li>- Có 1 NVH thôn cao</li> <li>- Có 5 điểm sơ tán tập trung của xã</li> <li>- Thôn có Ban PCTT thôn và có đội cứu hộ thôn, 80% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó lụt</li> </ul>	Nguy cơ thiệt hại về người	Thấp
	Tân Truyền	112	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 170 người ở trong 55 nhà trong vùng thường ngập lụt</li> <li>- Có 90 đối tượng dễ bị tổn thương</li> <li>- 55% người không biết bơi</li> <li>- 95% trẻ em từ 5-18 tuổi chưa biết bơi</li> <li>- 20% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 4 nhà cao tầng trong thôn, có thể làm nơi sơ tán</li> <li>- Có 1 NVH thôn cao</li> <li>- Có 5 điểm sơ tán tập trung của xã</li> <li>- Thôn có Ban PCTT thôn và có đội cứu hộ thôn, 80% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó lụt</li> </ul>	Nguy cơ thiệt hại về người	Thấp
	Tân Thịnh	179	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 190 người ở trong 55 nhà trong vùng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 6 nhà cao tầng trong thôn, có thể làm</li> </ul>	Nguy cơ thiệt hại	Thấp

		<ul style="list-style-type: none"> <li>thường ngập lụt</li> <li>- Có 95 đối tượng dễ bị tổn thương</li> <li>- 55% người không biết bơi</li> <li>- 95% trẻ em từ 5-18 tuổi chưa biết bơi</li> <li>- 20% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>nơi sơ tán</li> <li>- Có 1 NVH thôn cao</li> <li>- Có 5 điểm sơ tán tập trung của xã</li> <li>- Thôn có Ban PCTT thôn và có đội cứu hộ thôn,</li> <li>80% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó lụt</li> </ul>	về người	
Tân Ly	81	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 195 người ở trong 60 nhà trong vùng thường ngập lụt</li> <li>- Có 50 đối tượng dễ bị tổn thương</li> <li>- 55% người không biết bơi</li> <li>- 95% trẻ em từ 5-18 tuổi chưa biết bơi</li> <li>- 20% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 4 nhà cao tầng trong thôn, có thể làm nơi sơ tán</li> <li>- Có 1 NVH thôn cao</li> <li>- Có 5 điểm sơ tán tập trung của xã</li> <li>- Thôn có Ban PCTT thôn và có đội cứu hộ thôn,</li> <li>80% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó lụt</li> </ul>	Nguy cơ thiệt hại về người	Thấp
Tân Bằng	111	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 180 người ở trong 55 nhà trong vùng thường ngập lụt</li> <li>- Có 60 đối tượng dễ bị tổn thương</li> <li>- 55% người không biết bơi</li> <li>- 95% trẻ em từ 5-18 tuổi chưa biết bơi</li> <li>- 20% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 3 nhà cao tầng trong thôn, có thể làm nơi sơ tán</li> <li>- Có 1 NVH thôn cao</li> <li>- Có 5 điểm sơ tán tập trung của xã</li> <li>- Thôn có Ban PCTT thôn và có đội cứu hộ thôn,</li> <li>80% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó lụt</li> </ul>	Nguy cơ thiệt hại về người	Thấp
Tân Thái	96	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 230 người ở trong 70 nhà trong vùng thường ngập lụt</li> <li>- Có 80 đối tượng dễ bị tổn thương</li> <li>- 55% người không biết bơi</li> <li>- 95% trẻ em từ 5-18 tuổi chưa biết bơi</li> <li>- 20% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 3 nhà cao tầng trong thôn, có thể làm nơi sơ tán</li> <li>- Có 1 NVH thôn cao</li> <li>- Có 5 điểm sơ tán tập trung của xã</li> <li>- Thôn có Ban PCTT thôn và có đội cứu hộ thôn,</li> <li>80% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó lụt</li> </ul>	Nguy cơ thiệt hại về người	Thấp
Tân Ninh	208	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 880 người ở trong 200 nhà trong vùng thường ngập lụt</li> <li>- Có 130 đối tượng dễ bị tổn thương</li> <li>- 55% người không biết bơi</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 8 nhà cao tầng trong thôn, có thể làm nơi sơ tán</li> <li>- Có 1 NVH thôn cao</li> <li>- Có 5 điểm sơ tán tập trung của xã</li> <li>- Thôn có Ban PCTT</li> </ul>	Nguy cơ thiệt hại về người	Thấp

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- 95% trẻ em từ 5-18 tuổi chưa biết bơi</li> <li>- 20% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai</li> </ul>	<p>thôn và có đội cứu hộ thôn, 80% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó lụt</p>			
	Tân Lạc	120	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 470 người ở trong 80 nhà trong vùng thường ngập lụt</li> <li>- Có 115 đối tượng dễ bị tổn thương</li> <li>- 55% người không biết bơi</li> <li>- 95% trẻ em từ 5-18 tuổi chưa biết bơi</li> <li>- 20% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 4 nhà cao tầng trong thôn, có thể làm nơi sơ tán</li> <li>- Có 1 NVH thôn cao</li> <li>- Có 5 điểm sơ tán tập trung của xã</li> <li>- Thôn có Ban PCTT thôn và có đội cứu hộ thôn, 80% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó lụt</li> </ul>	<p>Nguy cơ thiệt hại về người</p>	Thấp
	Tân Hòa	198	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 780 người ở trong 188 nhà trong vùng thường ngập lụt</li> <li>- Có 180 đối tượng dễ bị tổn thương</li> <li>- 55% người không biết bơi</li> <li>- 95% trẻ em từ 5-18 tuổi chưa biết bơi</li> <li>- 20% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 6 nhà cao tầng trong thôn, có thể làm nơi sơ tán</li> <li>- Có 1 NVH thôn cao</li> <li>- Có 5 điểm sơ tán tập trung của xã</li> <li>- Thôn có Ban PCTT thôn và có đội cứu hộ thôn, 80% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó lụt</li> </ul>	<p>Nguy cơ thiệt hại về người</p>	Thấp
	Tân Hạ	90	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 360 người ở trong 80 nhà trong vùng thường ngập lụt</li> <li>- Có 96 đối tượng dễ bị tổn thương</li> <li>- 55% người không biết bơi</li> <li>- 95% trẻ em từ 5-18 tuổi chưa biết bơi</li> <li>- 95% trẻ em từ 5-18 tuổi chưa biết bơi</li> <li>- 20% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 5 nhà cao tầng trong thôn, có thể làm nơi sơ tán</li> <li>- Có 1 NVH thôn cao</li> <li>- Có 5 điểm sơ tán tập trung của xã</li> <li>- Thôn có Ban PCTT thôn và có đội cứu hộ thôn, 80% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó lụt</li> </ul>	<p>Nguy cơ thiệt hại về người</p>	Thấp
Bão	Tân Đa	135	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 312 người ở trong 104 nhà chưa được an toàn trong bão</li> <li>- 359 đối tượng dễ bị tổn thương</li> <li>- 20% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 31 nhà kiên cố trong thôn có thể làm điểm sơ tán</li> <li>- Có 5 điểm sơ tán tập trung của xã</li> <li>- Thôn có Ban PCTT thôn và có đội cứu hộ thôn, 80% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh</li> </ul>	<p>Nguy cơ thiệt hại về người</p>	Thấp

				nghiệm về ứng phó bão		
	Tân Lộc	119	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 280 người ở trong 88 nhà chưa được an toàn trong bão</li> <li>- 305 đối tượng dễ bị tổn thương</li> <li>- 20% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có 31 nhà kiên cố trong thôn có thể làm điểm sơ tán</li> <li>- Có 5 điểm sơ tán tập trung của xã</li> <li>- Thôn có Ban PCTT thôn và có đội cứu hộ thôn,</li> <li>80% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó bão</li> </ul>	Nguy cơ thiệt hại về người	Thấp
	Tân Lộc	94	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 220 người ở trong 69 nhà chưa được an toàn trong bão</li> <li>- 201 đối tượng dễ bị tổn thương</li> <li>- 20% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có 25 nhà kiên cố trong thôn có thể làm điểm sơ tán</li> <li>- Có 5 điểm sơ tán tập trung của xã</li> <li>- Thôn có Ban PCTT thôn và có đội cứu hộ thôn,</li> <li>80% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó bão</li> </ul>	Nguy cơ thiệt hại về người	Thấp
	Tân Truyền	112	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 270 người ở trong 195 nhà chưa được an toàn trong bão</li> <li>- 359 đối tượng dễ bị tổn thương</li> <li>- 20% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có 29 nhà kiên cố trong thôn có thể làm điểm sơ tán</li> <li>- Có 5 điểm sơ tán tập trung của xã</li> <li>- Thôn có Ban PCTT thôn và có đội cứu hộ thôn,</li> <li>80% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó bão</li> </ul>	Nguy cơ thiệt hại về người	Thấp
	Tân Thịnh	179	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 415 người ở trong 136 nhà chưa được an toàn trong bão</li> <li>- 300 đối tượng dễ bị tổn thương</li> <li>- 20% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có 43 nhà kiên cố trong thôn có thể làm điểm sơ tán</li> <li>- Có 5 điểm sơ tán tập trung của xã</li> <li>- Thôn có Ban PCTT thôn và có đội cứu hộ thôn,</li> <li>80% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó bão</li> </ul>	Nguy cơ thiệt hại về người	Thấp
	Tân Ly	81	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 220 người ở trong 71 nhà chưa được an toàn trong bão</li> <li>- 148 đối tượng dễ bị tổn thương</li> <li>- 20% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có 10 nhà kiên cố trong thôn có thể làm điểm sơ tán</li> <li>- Có 5 điểm sơ tán tập trung của xã</li> <li>- Thôn có Ban PCTT thôn và có đội cứu hộ thôn,</li> <li>80% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh</li> </ul>	Nguy cơ thiệt hại về người	Thấp



				nghiệm về ứng phó bão		
	Tân Bằng	111	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 275 người ở trong 87 nhà chưa được an toàn trong bão</li> <li>- 156 đối tượng dễ bị tổn thương</li> <li>- 20% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có 24 nhà kiên cố trong thôn có thể làm điểm sơ tán</li> <li>- Có 5 điểm sơ tán tập trung của xã</li> <li>- Thôn có Ban PCTT thôn và có đội cứu hộ thôn,</li> <li>80% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó bão</li> </ul>	Nguy cơ thiệt hại về người	Thấp
	Tân Thái	96	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 245 người ở trong 79 nhà chưa được an toàn trong bão</li> <li>- 181 đối tượng dễ bị tổn thương</li> <li>- 20% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có 17 nhà kiên cố trong thôn có thể làm điểm sơ tán</li> <li>- Có 5 điểm sơ tán tập trung của xã</li> <li>- Thôn có Ban PCTT thôn và có đội cứu hộ thôn,</li> <li>80% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó bão</li> </ul>	Nguy cơ thiệt hại về người	Thấp
	Tân Ninh	208	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 490 người ở trong 160 nhà chưa được an toàn trong bão</li> <li>- 306 đối tượng dễ bị tổn thương</li> <li>- 20% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có 48 nhà kiên cố trong thôn có thể làm điểm sơ tán</li> <li>- Có 5 điểm sơ tán tập trung của xã</li> <li>- Thôn có Ban PCTT thôn và có đội cứu hộ thôn,</li> <li>80% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó bão</li> </ul>	Nguy cơ thiệt hại về người	Thấp
	Tân Lạc	120	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 290 người ở trong 90 nhà chưa được an toàn trong bão</li> <li>- 258 đối tượng dễ bị tổn thương</li> <li>- 20% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có 30 nhà kiên cố trong thôn có thể làm điểm sơ tán</li> <li>- Có 5 điểm sơ tán tập trung của xã</li> <li>- Thôn có Ban PCTT thôn và có đội cứu hộ thôn,</li> <li>80% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó bão</li> </ul>	Nguy cơ thiệt hại về người	Thấp
	Tân Hòa	198	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 470 người ở trong 152 nhà chưa được an toàn trong bão</li> <li>- 380 đối tượng dễ bị tổn thương</li> <li>- 20% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có 46 nhà kiên cố trong thôn có thể làm điểm sơ tán</li> <li>- Có 5 điểm sơ tán tập trung của xã</li> <li>- Thôn có Ban PCTT thôn và có đội cứu hộ thôn,</li> <li>80% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh</li> </ul>	Nguy cơ thiệt hại về người	Thấp

				nghiệm về ứng phó bão		
....	Tân Hạ	90	- Có 222 người ở trong 74 nhà chưa được an toàn trong bão - 220 đối tượng dễ bị tổn thương - 20% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai	Có 16 nhà kiên cố trong thôn có thể làm điểm sơ tán - Có 5 điểm sơ tán tập trung của xã - Thôn có Ban PCTT thôn và có đội cứu hộ thôn, 80% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó bão	Nguy cơ thiệt hại về người	Thấp

**Ghi chú khác:**

**Hướng dẫn điền**

- Cột 1 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (2)
- Cột 2 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (4)
- Cột 3 – Tham khảo biểu Phân bố dân cư (A5), cột 3
- Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B4), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH (B13)
- Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ **bảo vệ sinh mạng của dân** mà cộng đồng đã có **đối với loại hình thiên tai cụ thể**
- Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro với **dân cư** và **cộng đồng** của từng loại hình thiên tai tại từng thôn
- Cột 7: Điền mức độ rủi ro **đối với dân cư** Cao, Trung bình hoặc Thấp dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

**17. Hạ tầng công cộng**

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Tân Đa	135	- 0,8 km đường thôn là đường đất - 3,7 km đường nội đồng là đường đất	- 4 km đường thôn đã bê tông hóa  - 1 cầu, 2 cống kiên cố	Đường hư hỏng  Đường nội đồng hư	Trung bình  Trung bình
	Tân Lộc	119	- 1,5 km đường thôn là đường đất - 2,7 km đường nội đồng là đường đất - 02 cầu giao thông yếu	- 5,5 km đường thôn đã bê tông hóa  - 2 cầu kiên cố	Đường hư hỏng  Đường nội đồng hư  Cầu hư	Trung bình  Trung bình  Trung bình
	Tân Lực	94	- 4 km đường thôn là đường đất - 4 km đường nội đồng là đường đất - 5 cống giao thông yếu	- 1 km đường thôn đã bê tông hóa  - 1 cầu, 5 cống kiên cố	Đường hư hỏng  Đường nội đồng hư  Cống hư	Trung bình  Trung bình  Thấp

Tân Truyền	112	- 1 km đường thôn là đường đất - 3 km đường nội đồng là đường đất 5 cống giao thông yếu	- 3 km đường thôn đã bê tông hóa  - 6 cống kiên cố	Đường hư hỏng  Đường nội đồng hư Cống hư	Trung bình  Trung bình Thấp
Tân Thịnh	179	- 0,7 km đường thôn là đường đất - 6 km đường nội đồng là đường đất	- 2,5 km đường thôn đã bê tông hóa - 1 cầu kiên cố	Đường hư hỏng  Đường nội đồng hư	Trung bình  Trung bình
Tân Ly	81	- 0,4 km đường thôn là đường đất	- 0,6 km đường thôn đã bê tông hóa	Đường hư hỏng	Trung bình
Tân Bằng	111	- 2,7 km đường thôn là đường đất - 1,2 km đường nội đồng là đường đất - 01 cống giao thông yếu	- 1,3 km đường thôn đã bê tông hóa  - 4 cống kiên cố	Đường hư hỏng  Đường nội đồng hư  Cống hư	Trung bình  Trung bình Thấp
Tân Thái	96	- 1,2 km đường thôn là đường đất - 2 km đường nội đồng là đường đất - 06 cống giao thông yếu	- 1,8 km đường thôn đã bê tông hóa  - 3 cầu, 6 cống kiên cố	Đường hư hỏng  Đường nội đồng hư  Cống hư	Trung bình  Trung bình Thấp
Tân Ninh	208	- 1 km đường thôn là đường đất - 12 km đường nội đồng là đường đất - 04 cống giao thông yếu	- 4,4 km đường thôn đã bê tông hóa - 1 cầu, 4 cống kiên cố	Đường hư hỏng  Đường nội đồng hư  Cống hư	Trung bình  Trung bình Thấp
Tân Lạc	120	- 1 km đường thôn là đường đất - 2,5 km đường nội đồng là đường đất	- 3 km đường thôn đã bê tông hóa	Đường hư hỏng  Đường nội đồng hư	Trung bình  Trung bình
Tân Hòa	198	- 2,2 km đường nội đồng là đường đất - 01 cầu giao thông yếu - 04 cống giao thông yếu	- 3,2 km đường thôn đã bê tông hóa - 1 cầu, 13 cống kiên cố	Đường nội đồng hư  Cầu hư  Cống hư	Trung bình  Trung bình Thấp
Tân Hạ	90	- 1,1 km đường thôn là đường đất - 3,2 km đường nội đồng là đường đất	- 1,2 km đường thôn đã bê tông hóa	Đường hư hỏng  Đường nội đồng	Trung bình  Trung bình

			-06 cầu giao thông tạm	- 6 cầu, 9 cống kiên cố	hur Cầu hư	Cao
<b>Bão</b>	Tân Đa	135	37 cột điện dân đúc không đảm bảo an toàn 7,4 km dây điện Nhà văn hóa bán kiên cố	112 cột điện kiên cố 1 trạm điện kiên cố Có Chi nhánh điện huyện phụ trách quản lý	Cột điện gãy Dây điện đứt	Trung bình Thấp
	Tân Lộc	119	31 cột điện dân đúc không đảm bảo an toàn Nhà văn hóa bán kiên cố 6 km dây điện trần	90 cột điện kiên cố Có Chi nhánh điện huyện phụ trách quản lý 1 trạm điện kiên cố	Cột điện gãy Dây điện đứt	Trung bình Trung bình
	Tân Lược	94	14 cột điện dân đúc không đảm bảo an toàn Nhà văn hóa bán kiên cố 5,6 km dây điện trần	98 cột điện kiên cố Có Chi nhánh điện huyện phụ trách quản lý 1 trạm điện kiên cố	Cột điện gãy Dây điện đứt	Trung bình Trung bình
	Tân Truyền	112	10 cột điện dân đúc không đảm bảo an toàn Nhà văn hóa bán kiên cố 5,5 km dây điện trần	100 cột điện kiên cố Có Chi nhánh điện huyện phụ trách quản lý 2 trạm điện kiên cố	Cột điện gãy Dây điện đứt	Trung bình Trung bình
	Tân Thịnh	179	37 cột điện dân đúc không đảm bảo an toàn Nhà văn hóa bán kiên cố 6,6 km dây điện trần	110 cột điện kiên cố Có Chi nhánh điện huyện phụ trách quản lý	Cột điện gãy Dây điện đứt	Trung bình Trung bình
	Tân Ly	81	2 km dây điện trần Nhà văn hóa bán kiên cố, xây dựng đã lâu, xuống cấp	40 cột điện kiên cố Có Chi nhánh điện huyện phụ trách quản lý 1 trạm điện kiên cố	Dây điện đứt Hư hại NVH	Trung bình Trung bình
	Tân Bằng	111	Nhà văn hóa bán kiên cố 3 km dây điện trần	67 cột điện kiên cố Có Chi nhánh điện huyện phụ trách quản lý 1 trạm điện kiên cố	Dây điện đứt	Trung bình

Tân Thái	96	3 km dây điện trần Nhà văn hóa bán kiên cố, xây dựng đã lâu, xuống cấp	61 cột điện kiên cố Có Chi nhánh điện huyện phụ trách quản lý 1 trạm điện kiên cố	Dây điện đứt  Hư hại NVH	Trung bình  Trung bình
Tân Ninh	208	7 km dây điện trần Nhà văn hóa bán kiên cố	150 cột điện kiên cố Có Chi nhánh điện huyện phụ trách quản lý 1 trạm điện kiên cố	Dây điện đứt	Trung bình
Tân Lạc	120	15 cột điện dân đúc không đảm bảo an toàn 4,4 km dây điện trần Nhà văn hóa bán kiên cố	70 cột điện kiên cố Có Chi nhánh điện huyện phụ trách quản lý 1 trạm điện kiên cố	Cột điện gãy  Dây điện đứt	Trung bình  Trung bình
Tân Hòa	198	17 cột điện dân đúc không đảm bảo an toàn Nhà văn hóa bán kiên cố 11,7 km dây điện trần	259 cột điện kiên cố 1 trạm điện kiên cố	Cột điện gãy  Dây điện đứt	Trung bình  Trung bình
Tân Hạ	90	11 cột điện dân đúc không đảm bảo an toàn 4 km dây điện trần Nhà văn hóa bán kiên cố	110 cột điện kiên cố	Cột điện gãy  Dây điện đứt	Trung bình  Trung bình

**Ghi chú khác**

**Hướng dẫn điền**

- Cột 1 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (2)
- Cột 2 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (4)
- Cột 3 – Tham khảo biểu Phân bố dân cư (A5), cột (3)
- Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, **B5**), Sơ họ bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TU'ĐKH (B13)
- Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với các loại cơ sở hạ tầng mà xã/thôn đã có
- Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với cơ sở hạ tầng công cộng của **từng loại hình thiên tai** tại từng thôn
- Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với cơ sở hạ tầng công cộng dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

**18. Công trình thủy lợi**

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TU'ĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
--------------------------	----------	------------	--------	--	-----------------------	--------------------------------

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Tân Đa	135	2 cống thủy lợi bán kiên cố	9,8 km kênh mương thủy lợi kiên cố 1 đập thủy lợi kiên cố	Cống hư	Thấp
	Tân Lộc	119	2,5 km kênh mương thủy lợi chưa kiên cố	5 km kênh mương thủy lợi kiên cố	Kênh mương thủy lợi hư hỏng	Trung bình
	Tân Lược	94	1,2 km kênh mương thủy lợi chưa kiên cố	0,3 km kênh mương thủy lợi kiên cố 6 cống, 1 đập thủy lợi kiên cố	Kênh mương thủy lợi hư hỏng	Trung bình
	Tân Truyền	112	5 km kênh mương thủy lợi chưa kiên cố	1,5 km kênh mương thủy lợi kiên cố 10 cống, 1 đập thủy lợi kiên cố	Kênh mương thủy lợi hư hỏng	Trung bình
	Tân Thịnh	179	3 km kênh mương thủy lợi chưa kiên cố	1 km kênh mương thủy lợi kiên cố 41 cống thủy lợi kiên cố	Kênh mương thủy lợi hư hỏng	Trung bình
	Tân Ly	81	1 km kênh mương thủy lợi chưa kiên cố	0,5 km kênh mương thủy lợi kiên cố 2 đập thủy lợi kiên cố	Kênh mương thủy lợi hư hỏng	Trung bình
	Tân Bằng	111	2,3 km kênh mương thủy lợi chưa kiên cố	0,8 km kênh mương thủy lợi kiên cố 2 cống thủy lợi kiên cố	Kênh mương thủy lợi hư hỏng	Trung bình
	Tân Thái	96	1,6 km kênh mương thủy lợi chưa kiên cố	0,4 km kênh mương thủy lợi kiên cố	Kênh mương thủy lợi hư hỏng	Trung bình
	Tân Ninh	208	6 km kênh mương thủy lợi chưa kiên cố	1,8 km kênh mương thủy lợi kiên cố	Kênh mương thủy lợi hư hỏng	Trung bình
			1 km kè bán kiên cố	2 km kè kiên cố, 50 cống thủy lợi kiên cố	Kè hư	Thấp
	Tân Lạc	120		0,5 km kênh mương thủy lợi kiên cố	Không có rủi ro	
	Tân Hòa	198	3 km kênh mương thủy lợi chưa kiên cố	3,3 km kênh mương thủy lợi kiên cố 4 cống, 6 đập thủy lợi kiên cố	Kênh mương thủy lợi hư hỏng	Trung bình
Tân Hạ	90	1,6 km kênh mương thủy lợi chưa kiên cố	3 km kênh mương thủy lợi kiên cố	Kênh mương thủy lợi hư hỏng	Trung bình	
Bão	Không gây thiệt hại cho hệ thống kênh mương, đê điều					
<b>Ghi chú khác</b>						
<b>Hướng dẫn điền</b>						
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cột 1 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (2)</li> <li>- Cột 2 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (4)</li> <li>- Cột 3 – Tham khảo biểu Phân bố dân cư (A5), cột (3)</li> </ul>						

- Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1 & B6), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TUĐDKH (B13)
- Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với các công trình thủy lợi mà xã/thôn đã có
- Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với công trình thủy lợi của từng loại hình thiên tai tại từng thôn
- Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với công trình thủy lợi dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

**19. Nhà ở**

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUĐDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Tân Đa	135	1 nhà thiếu kiên cố	31 nhà kiên cố	Nhà hư hỏng	Thấp
	Tân Lộc	119	1 nhà đơn sơ 1 nhà thiếu kiên cố	31 nhà kiên cố	Nhà hư hỏng	Thấp
	Tân Truyền	112	1 nhà thiếu kiên cố	29 nhà kiên cố	Nhà hư hỏng	Thấp
	Tân Thịnh	179	1 nhà đơn sơ 2 nhà thiếu kiên cố	43 nhà kiên cố	Nhà hư hỏng	Thấp
	Tân Ly	81	1 nhà đơn sơ 1 nhà thiếu kiên cố	10 nhà kiên cố	Nhà hư hỏng	Thấp
	Tân Bằng	111	1 nhà thiếu kiên cố	24 nhà kiên cố	Nhà hư hỏng	Thấp
	Tân Thái	96	1 nhà thiếu kiên cố	17 nhà kiên cố	Nhà hư hỏng	Thấp
	Tân Ninh	208	3 nhà thiếu kiên cố	48 nhà kiên cố	Nhà hư hỏng	Thấp
	Tân Lạc	120	1 nhà thiếu kiên cố	30 nhà kiên cố	Nhà hư hỏng	Thấp
Bão	Tân Đa	135	1 nhà thiếu kiên cố 103 nhà bán kiên cố 21 hộ là phụ nữ làm chủ hộ 20% hộ chưa chủ động chăng chống nhà cửa	31 nhà kiên cố 80% hộ chủ động chăng chống nhà cửa	Nhà hư hại/tóc mái	Cao
	Tân Lộc	119	1 nhà đơn sơ 1 nhà thiếu kiên cố 86 nhà bán kiên cố 23 hộ là phụ nữ làm chủ hộ 20% hộ chưa chủ động chăng chống nhà cửa	31 nhà kiên cố 80% hộ chủ động chăng chống nhà cửa	Nhà hư hại/tóc mái	Cao
	Tân Lạc	94	1 nhà thiếu kiên cố 68 nhà bán kiên cố 16 hộ là phụ nữ làm chủ hộ 20% hộ chưa chủ động chăng chống nhà cửa	25 nhà kiên cố 80% hộ chủ động chăng chống nhà cửa	Nhà hư hại/tóc mái	Cao

Tân Truyền	112	1 nhà thiếu kiên cố 82 nhà bán kiên cố 6 hộ là phụ nữ làm chủ hộ 20% hộ chưa chủ động chăng chống nhà cửa	29 nhà kiên cố 80% hộ chủ động căng chống nhà cửa	Nhà hư hại/tóc mái	Cao
Tân Thịnh	179	1 nhà đơn sơ 2 nhà thiếu kiên cố 133 nhà bán kiên cố 20% hộ chưa chủ động chăng chống nhà cửa	43 nhà kiên cố 80% hộ chủ động căng chống nhà cửa	Nhà hư hại/tóc mái	Cao
Tân Ly	81	1 nhà đơn sơ 1 nhà thiếu kiên cố 69 nhà bán kiên cố 10 hộ là phụ nữ làm chủ hộ 20% hộ chưa chủ động chăng chống nhà cửa	10 nhà kiên cố 80% hộ chủ động căng chống nhà cửa	Nhà hư hại/tóc mái	Cao
Tân Bằng	111	1 nhà thiếu kiên cố 86 nhà bán kiên cố 23 hộ là phụ nữ làm chủ hộ 20% hộ chưa chủ động chăng chống nhà cửa	24 nhà kiên cố 80% hộ chủ động căng chống nhà cửa	Nhà hư hại/tóc mái	Cao
Tân Thái	96	1 nhà thiếu kiên cố 78 nhà bán kiên cố 22 hộ là phụ nữ làm chủ hộ 20% hộ chưa chủ động chăng chống nhà cửa	17 nhà kiên cố 80% hộ chủ động căng chống nhà cửa	Nhà hư hại/tóc mái	Cao
Tân Ninh	208	3 nhà thiếu kiên cố 157 nhà bán kiên cố 34 hộ là phụ nữ làm chủ hộ 20% hộ chưa chủ động chăng chống nhà cửa	48 nhà kiên cố 80% hộ chủ động căng chống nhà cửa	Nhà hư hại/tóc mái	Cao
Tân Lạc	120	1 nhà thiếu kiên cố 89 nhà bán kiên cố 13 hộ là phụ nữ làm chủ hộ 20% hộ chưa chủ động chăng chống nhà cửa	30 nhà kiên cố 80% hộ chủ động căng chống nhà cửa	Nhà hư hại/tóc mái	Cao
Tân Hòa	198	152 nhà bán kiên cố 27 hộ là phụ nữ làm chủ hộ 20% hộ chưa chủ động chăng chống nhà cửa	46 nhà kiên cố 80% hộ chủ động căng chống nhà cửa	Nhà hư hại/tóc mái	Cao
Tân Hạ	90	74 nhà bán kiên cố 15 hộ là phụ nữ làm chủ hộ 20% hộ chưa chủ động chăng chống nhà cửa	16 nhà kiên cố 80% hộ chủ động căng chống nhà cửa	Nhà hư hại/tóc mái	Cao
....	Thôn....				

**Ghi chú khác**

**Hướng dẫn điền**

- Cột 1 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (2)
- Cột 2 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (4)



- Cột 3 – Tham khảo biểu Phân bố dân cư (A5), cột (3)
- Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1 & B7), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TUĐDKH (B13)
- Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với các Nhà ở mà xã/thôn đã có
- Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với nhà ở của từng loại hình thiên tai tại từng thôn
- Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với nhà ở dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

**20. Nước sạch, vệ sinh và môi trường**

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUĐDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và lụt	Tân Đa	135	2 hộ chưa có nhà vệ sinh	135 hộ dùng nước giếng hợp vệ sinh 133 hộ có hố xí hợp vệ sinh Có đường hoa kiểu mẫu Tổ chức ngày Nông thôn mới làm vệ sinh môi trường mỗi tháng 2 ngày 100% hộ gia đình có ý thức bảo vệ môi trường	Nguy cơ ô nhiễm môi trường  Nguy cơ dịch bệnh	Thấp  Thấp
	Tân Lộc	119	5 hộ chưa có nhà vệ sinh	119 hộ dùng nước giếng hợp vệ sinh 114 hộ có hố xí hợp vệ sinh Có đường hoa kiểu mẫu Tổ chức ngày Nông thôn mới làm vệ sinh môi trường mỗi tháng 2 ngày 100% hộ gia đình có ý thức bảo vệ môi trường	Nguy cơ ô nhiễm môi trường  Nguy cơ dịch bệnh	Thấp  Thấp
	Tân Lực	94	4 hộ chưa có nhà vệ sinh	94 hộ dùng nước giếng hợp vệ sinh 90 hộ có hố xí hợp vệ sinh Có đường hoa kiểu mẫu Tổ chức ngày Nông thôn mới làm vệ sinh môi trường mỗi tháng 2 ngày 100% hộ gia đình có ý thức bảo vệ môi trường	Nguy cơ ô nhiễm môi trường  Nguy cơ dịch bệnh	Thấp  Thấp
	Tân Truyền	112	4 hộ chưa có nhà vệ sinh	112 hộ dùng nước giếng hợp vệ sinh 108 hộ có hố xí hợp vệ sinh Có đường hoa kiểu mẫu Tổ chức ngày Nông thôn mới làm vệ sinh môi trường mỗi tháng 2 ngày 100% hộ gia đình có ý	Nguy cơ ô nhiễm môi trường  Nguy cơ dịch bệnh	Thấp  Thấp

			thức bảo vệ môi trường		
Tân Thịnh	179	4 hộ chưa có nhà vệ sinh	179 hộ dùng nước giếng hợp vệ sinh 175 hộ có hố xí hợp vệ sinh Có đường hoa kiêu mẫu Tổ chức ngày Nông thôn mới làm vệ sinh môi trường mỗi tháng 2 ngày 100% hộ gia đình có ý thức bảo vệ môi trường	Nguy cơ ô nhiễm môi trường Nguy cơ dịch bệnh	Thấp Thấp
Tân Ly	81	1 hộ chưa có nhà vệ sinh	81 hộ dùng nước giếng, 80 hộ có hố xí hợp vệ sinh Có đường hoa kiêu mẫu Tổ chức ngày Nông thôn mới làm vệ sinh môi trường mỗi tháng 2 ngày 100% hộ gia đình có ý thức bảo vệ môi trường	Nguy cơ ô nhiễm môi trường Nguy cơ dịch bệnh	Thấp Thấp
Tân Bằng	111	3 hộ chưa có nhà vệ sinh	111 hộ dùng nước giếng hợp vệ sinh 108 hộ có hố xí hợp vệ sinh Có đường hoa kiêu mẫu Tổ chức ngày Nông thôn mới làm vệ sinh môi trường mỗi tháng 2 ngày 100% hộ gia đình có ý thức bảo vệ môi trường	Nguy cơ ô nhiễm môi trường Nguy cơ dịch bệnh	Thấp Thấp
Tân Thái	96	4 hộ chưa có nhà vệ sinh	96 hộ dùng nước giếng hợp vệ sinh 92 hộ có hố xí hợp vệ sinh Có đường hoa kiêu mẫu Tổ chức ngày Nông thôn mới làm vệ sinh môi trường mỗi tháng 2 ngày 100% hộ gia đình có ý thức bảo vệ môi trường	Nguy cơ ô nhiễm môi trường Nguy cơ dịch bệnh	Thấp Thấp
Tân Ninh	208	4 hộ chưa có nhà vệ sinh	208 hộ dùng nước giếng hợp vệ sinh 204 hộ có hố xí hợp vệ sinh Có đường hoa kiêu mẫu Tổ chức ngày Nông thôn mới làm vệ sinh môi trường mỗi tháng 2 ngày 100% hộ gia đình có ý thức bảo vệ môi trường	Nguy cơ ô nhiễm môi trường Nguy cơ dịch bệnh	Thấp Thấp
Tân Lạc	120	3 hộ chưa có nhà vệ sinh	120 hộ dùng nước giếng hợp vệ sinh 117 hộ có hố xí hợp vệ sinh Có đường hoa kiêu mẫu	Nguy cơ ô nhiễm môi trường Nguy cơ dịch bệnh	Thấp Thấp

				Tổ chức ngày Nông thôn mới làm vệ sinh môi trường mỗi tháng 2 ngày 100% hộ gia đình có ý thức bảo vệ môi trường		
Tân Hòa	198	1 hộ chưa có nhà vệ sinh	198 hộ dùng nước giếng hợp vệ sinh 197 hộ có hố xí hợp vệ sinh Có đường hoa kiêu mẫu Tổ chức ngày Nông thôn mới làm vệ sinh môi trường mỗi tháng 2 ngày 100% hộ gia đình có ý thức bảo vệ môi trường	Nguy cơ ô nhiễm môi trường Nguy cơ dịch bệnh	Thấp Thấp	
Tân Hạ	90	2 hộ chưa có nhà vệ sinh	90 hộ dùng nước giếng hợp vệ sinh 88 hộ có hố xí hợp vệ sinh Có đường hoa kiêu mẫu Tổ chức ngày Nông thôn mới làm vệ sinh môi trường mỗi tháng 2 ngày 100% hộ gia đình có ý thức bảo vệ môi trường	Nguy cơ ô nhiễm môi trường Nguy cơ dịch bệnh	Thấp Thấp	
Thôn....						

**Ghi chú khác**

**Hướng dẫn điền**

- Cột 1 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (2)
- Cột 2 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (4)
- Cột 3 – Tham khảo biểu Phân bố dân cư (A5), cột (3)
- Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1 & B8), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH (B13)
- Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với quản lý sử dụng nước, công tác vệ sinh môi trường mà xã/thôn đã có
- Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với quản lý sử dụng nước, công tác vệ sinh môi trường của từng loại hình thiên tai tại từng thôn
- Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với quản lý sử dụng nước, công tác vệ sinh môi trường dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

**21. Y tế và quản lý dịch bệnh**

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và lụt	Tân Bằng		- Trang thiết bị y tế cơ bản còn thiếu: dụng cụ khám, phẫu thuật - 5% người dân chưa có ý thức về BVSK	Trạm y tế hai tầng, có 8 phòng kiên cố. có 1 Bác sĩ (Nam), 6 Nhân viên y tế ( 3 nam, 3 nữ) - 100% người dân tham	Nguy cơ dịch bệnh phát sinh	Thấp

				gia BHYT, - Trạm y tế và các nhân viên y tế xã, thôn quản lý dịch bệnh tốt, kịp thời ngăn chặn dịch bệnh phát sinh - 90% người dân có ý thức về BVSK		
	Các thôn Tân Đa Tân Lộc Tân Lược Tân Truyền Tân Thịnh Tân Lý Tân Bằng Tân Thái Tân Ninh Tân Lạc Tân Hòa Tân Hạ		- 5% người dân chưa có ý thức về BVSK	- Nhân viên y tế thôn quản lý dịch bệnh tốt, kịp thời báo cáo trạm y tế và tham gia ngăn chặn dịch bệnh phát sinh - Trạm Y tế gần khu dân cư các thôn - 100% người dân tham gia BHYT, - 90% người dân có ý thức về BVSK	Nguy cơ dịch bệnh phát sinh	Thấp
....	<b>Ghi chú khác</b>					
<p><b>Hướng dẫn điền</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cột 1 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (2)</li> <li>- Cột 2 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (4)</li> <li>- Cột 3 – Tham khảo biểu Phân bố dân cư (A5), cột (3)</li> <li>- Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, <b>B5d, B9</b>), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH (B13)</li> <li>- Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ <u>áp dụng đối với lĩnh vực y tế và quản lý dịch bệnh</u> mà xã/thôn đã có</li> <li>- Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro <u>đối với lĩnh vực y tế và quản lý dịch bệnh</u> của <u>từng loại hình thiên tai</u> tại từng thôn</li> <li>- Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp <u>đối với lĩnh vực y tế và quản lý dịch bệnh</u> dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)</li> </ul>						

## 22. Giáo dục

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão	Tân Lạc		Trường Mầm Non có 8 phòng học bán kiên cố	Trường Mầm Non có 14 phòng học kiên cố	Trường học có nguy cơ bị hư hỏng do bão	Thấp
	Tân Ninh		Trường Tiểu học số 1 có 8 phòng học bán kiên cố	Trường Tiểu học số 1 có 14 phòng học kiên cố	Trường học có nguy cơ bị hư hỏng do bão	Thấp
	Tân Lộc		Trường Tiểu học số 2 có 3 phòng học bán kiên cố	Trường Tiểu học số 2 có 17 phòng học kiên cố	Trường học có nguy cơ bị hư hỏng do bão	Thấp
	Tân Bằng			Trường THCS có 28	Trường học có	Thấp

				phòng học kiên cố	nguy cơ bị hư hỏng do bão	
<b>Ghi chú khác: Lụt không ảnh hưởng đến cơ sở vật chất của trường</b>						
<b>Hướng dẫn điền</b>						
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cột 1 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (2)</li> <li>- Cột 2 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (4)</li> <li>- Cột 3 – Tham khảo biểu Phân bố dân cư (A5), cột (3)</li> <li>- Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, <b>B5c</b>), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TUĐKH (B13)</li> <li>- Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ <u>áp dụng đối với lĩnh vực giáo dục</u> mà xã/thôn đã có</li> <li>- Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro <u>đối với lĩnh vực giáo dục</u> của <u>từng loại hình thiên tai</u> tại từng thôn</li> <li>- Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp <u>đối với lĩnh vực y giáo dục</u> dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)</li> </ul>						

### 23. Rừng

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTĐBTT	Năng lực PCTT TUĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão	Tân Đa	135	145 ha rừng trồng trà, keo cây dòn dễ gãy  1,5 ha cây cao su, cây giòn, dễ gãy, đổ	- Tỷ lệ thành rừng 100%  - 100% diện tích rừng trồng thuộc sở hữu của người dân	Cây trồng có nguy cơ gãy, đổ do gió bão  Cao su gãy, đổ	Cao  Cao
	Tân Lộc	119	118 ha rừng trồng trà cây dòn dễ gãy  2 ha cây cao su, cây giòn, dễ gãy, đổ	- Tỷ lệ thành rừng 100%  - 100% diện tích rừng trồng thuộc sở hữu của người dân	Cây trồng có nguy cơ gãy, đổ do gió bão  Cao su gãy, đổ	Cao  Cao
	Tân Lực	94	120 ha rừng trồng trà cây dòn dễ gãy  1 ha cây cao su, cây giòn, dễ gãy, đổ	- Tỷ lệ thành rừng 100%  - 100% diện tích rừng trồng thuộc sở hữu của người dân	Cây trồng có nguy cơ gãy, đổ do gió bão  Cao su gãy, đổ	Cao  Cao
	Tân Truyền	112	130 ha rừng trồng trà cây dòn dễ gãy	- Tỷ lệ thành rừng 100%	Cây trồng có nguy cơ gãy, đổ do gió bão	Cao

		1 ha cây cao su, cây giòn, dễ gãy, đổ	- 100% diện tích rừng trồng thuộc sở hữu của người dân	Cao su gãy, đổ	Cao
Tân Thịnh	179	6 ha rừng trồng tràm cây dòn dễ gãy	- Tỷ lệ thành rừng 100% - 100% diện tích rừng trồng thuộc sở hữu của người dân	Cây trồng có nguy cơ gãy, đổ do gió bão	Cao
Tân Ly	81	29 ha rừng trồng tràm cây dòn dễ gãy  0,2 ha cây cao su, cây giòn, dễ gãy, đổ	- Tỷ lệ thành rừng 100% - 100% diện tích rừng trồng thuộc sở hữu của người dân	Cây trồng có nguy cơ gãy, đổ do gió bão  Cao su gãy, đổ	Cao  Cao
Tân Bằng	111	14 ha rừng trồng tràm cây dòn dễ gãy  0,2 ha cây cao su, cây giòn, dễ gãy, đổ	- Tỷ lệ thành rừng 100% - 100% diện tích rừng trồng thuộc sở hữu của người dân	Cây trồng có nguy cơ gãy, đổ do gió bão  Cao su gãy, đổ	Cao  Cao
Tân Thái	96	27 ha rừng trồng tràm cây dòn dễ gãy  0,1 ha cây cao su, cây giòn, dễ gãy, đổ	- Tỷ lệ thành rừng 100% 100% diện tích rừng trồng thuộc sở hữu của người dân	Cây trồng có nguy cơ gãy, đổ do gió bão  Cao su gãy, đổ	Cao  Cao
Tân Ninh	208	5 ha rừng trồng tràm cây dòn dễ gãy	- Tỷ lệ thành rừng 100% - 100% diện tích rừng trồng thuộc sở hữu của người dân	Cây trồng có nguy cơ gãy, đổ do gió bão	Cao
Tân Lạc	120	6 ha rừng trồng tràm cây dòn dễ gãy	- Tỷ lệ thành rừng 100% - 100% diện tích rừng trồng thuộc sở hữu	Cây trồng có nguy cơ gãy, đổ do gió bão	Cao

			của người dân		
Tân Hòa	198	5 ha rừng trồng tràm cây đòn đẽ gãy	- Tỷ lệ thành rừng 100% - 100% diện tích rừng trồng thuộc sở hữu của người dân	Cây trồng có nguy cơ gãy, đổ do gió bão	Cao
Tân Hạ	90	10 ha rừng trồng tràm cây đòn đẽ gãy	- Tỷ lệ thành rừng 100% - 100% diện tích rừng trồng thuộc sở hữu của người dân	Cây trồng có nguy cơ gãy, đổ do gió bão	Cao

**Ghi chú khác** Chỉ có bão gây thiệt hại cho rừng cây, lũ lụt không gây thiệt hại

**Hướng dẫn điền**

- Cột 1 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (2)
- Cột 2 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (4)
- Cột 3 – Tham khảo biểu Phân bố dân cư (A5), cột (3)
- Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, **B10**), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TUBĐKH (B13)
- Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực rừng và quản lý rừng cộng đồng mà xã/thôn đã có
- Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực rừng và quản lý rừng cộng đồng của từng loại hình thiên tai tại từng thôn
- Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với rừng và quản lý rừng cộng đồng dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

**24. Trồng trọt**

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Tân Đa	135	62,4 ha lúa, 2 ha hoa màu ở vùng thấp trũng Hệ thống tiêu úng chưa tốt,	Có Tổ Hợp tác hỗ trợ về sản xuất 90% người trồng trọt có kiến thức KHKT về trồng trọt, trong đó 100 % phụ nữ được tập huấn Người dân có kinh nghiệm trong trồng trọt	Lúa bị hư hại Hoa màu hư hại	Trung bình Trung bình
	Tân Lộc	119	55,4 ha lúa, 2,2 ha hoa màu ở vùng thấp trũng Hệ thống tiêu úng chưa tốt, 2,5 km kênh mương chưa kiên cố	Có 1 trạm bơm kiên cố Có Tổ Hợp tác hỗ trợ về sản xuất 90% người trồng trọt có kiến thức KHKT về trồng trọt, trong đó	Lúa bị hư hại Hoa màu hư hại	Thấp Trung bình

			10% người trồng trọt chưa có kiến thức KHKT về trồng trọt	100 % phụ nữ được tập huấn Người dân có kinh nghiệm trong trồng trọt		
Lục	Tân Lục	94	60,2 ha lúa, 1,2 ha hoa màu ở vùng thấp trũng Hệ thống tiêu úng chưa tốt, 1,2 km kênh mương chưa kiên cố 10% người trồng trọt chưa có kiến thức KHKT về trồng trọt	Có Tổ Hợp tác hỗ trợ về sản xuất 90% người trồng trọt có kiến thức KHKT về trồng trọt, trong đó 100 % phụ nữ được tập huấn Người dân có kinh nghiệm trong trồng trọt	Lúa bị hư hại Hoa màu bị hư hại	Trung bình Trung bình
	Tân Truyền	112	58 ha lúa, 3 ha hoa màu ở vùng thấp trũng Hệ thống tiêu úng chưa tốt, 2,5 km kênh mương chưa kiên cố 10% người trồng trọt chưa có kiến thức KHKT về trồng trọt	Có Tổ Hợp tác hỗ trợ về sản xuất 90% người trồng trọt có kiến thức KHKT về trồng trọt, trong đó 100 % phụ nữ được tập huấn Người dân có kinh nghiệm trong trồng trọt	Lúa bị hư hại Hoa màu bị hư hại	Trung bình Trung bình
	Tân Thịnh	179	71 ha lúa, 3 ha hoa màu ở vùng thấp trũng Hệ thống tiêu úng chưa tốt, 3 km kênh mương chưa kiên cố Không có Tổ Hợp tác để chỉ đạo sản xuất 10% người trồng trọt chưa có kiến thức KHKT về trồng trọt	Có 1 trạm bơm kiên cố 90% người trồng trọt có kiến thức KHKT về trồng trọt, trong đó 100 % phụ nữ được tập huấn Người dân có kinh nghiệm trong trồng trọt	Lúa bị hư hại Hoa màu bị hư hại	Trung bình Trung bình
	Tân Ly	81	47,4 ha lúa, 6 ha hoa màu ở vùng thấp trũng Hệ thống tiêu úng chưa tốt, 1 km kênh mương chưa kiên cố Không có Tổ Hợp tác để chỉ đạo sản xuất 10% người trồng trọt chưa có kiến thức KHKT về trồng trọt	90% người trồng trọt có kiến thức KHKT về trồng trọt, trong đó 100 % phụ nữ được tập huấn Người dân có kinh nghiệm trong trồng trọt	Lúa bị hư hại Hoa màu bị hư hại	Trung bình Trung bình
	Tân Bằng	111	38 ha lúa, 5,5 ha hoa màu ở vùng thấp trũng Hệ thống tiêu úng chưa tốt, 2,3 km kênh mương chưa kiên cố	90% người trồng trọt có kiến thức KHKT về trồng trọt, trong đó 100 % phụ nữ được tập huấn Người dân có kinh nghiệm	Lúa bị hư hại Hoa màu bị hư hại	Trung bình Trung bình



		Không có Tổ Hợp tác để chỉ đạo sản xuất 10% người trồng trọt chưa có kiến thức KHKT về trồng trọt	những người trồng trọt		
Tân Thái	96	56 ha lúa, 1,8 ha hoa màu ở vùng thấp trũng Hệ thống tiêu úng chưa tốt, 1,6 km kênh mương chưa kiên cố Không có Tổ Hợp tác để chỉ đạo sản xuất 10% người trồng trọt chưa có kiến thức KHKT về trồng trọt	90% người trồng trọt có kiến thức KHKT về trồng trọt, trong đó 100 % phụ nữ được tập huấn Người dân có kinh nghiệm trong trồng trọt	Lúa bị hư hại Hoa màu bị hư hại	Trung bình Trung bình
Tân Ninh	208	129,6 ha lúa, 1,2 ha hoa màu ở vùng thấp trũng Hệ thống tiêu úng chưa tốt, 6 km kênh mương chưa kiên cố Không có Tổ Hợp tác để chỉ đạo sản xuất 10% người trồng trọt chưa có kiến thức KHKT về trồng trọt	90% người trồng trọt có kiến thức KHKT về trồng trọt, trong đó 100 % phụ nữ được tập huấn Người dân có kinh nghiệm trong trồng trọt	Lúa bị hư hại Hoa màu bị hư hại	Trung bình Trung bình
Tân Lạc	120	81,6 ha lúa, 2 ha hoa màu ở vùng thấp trũng Hệ thống tiêu úng chưa tốt, Không có Tổ Hợp tác để chỉ đạo sản xuất 10% người trồng trọt chưa có kiến thức KHKT về trồng trọt	90% người trồng trọt có kiến thức KHKT về trồng trọt, trong đó 100 % phụ nữ được tập huấn Người dân có kinh nghiệm trong trồng trọt	Lúa bị hư hại Hoa màu bị hư hại	Trung bình Trung bình
Tân Hòa	198	179,2 ha lúa, 2,3 ha hoa màu ở vùng thấp trũng Hệ thống tiêu úng chưa tốt, 3 km kênh mương chưa kiên cố Không có Tổ Hợp tác để chỉ đạo sản xuất 10% người trồng trọt chưa có kiến thức KHKT về trồng trọt	Có 1 trạm bơm kiên cố 90% người trồng trọt có kiến thức KHKT về trồng trọt, trong đó 100 % phụ nữ được tập huấn Người dân có kinh nghiệm trong trồng trọt	Lúa bị hư hại Hoa màu bị hư hại	Trung bình Trung bình
Tân Hạ	90	60 ha lúa, 2 ha hoa màu ở vùng thấp trũng Hệ thống tiêu úng chưa tốt,	90% người trồng trọt có kiến thức KHKT về trồng trọt, trong đó 100 % phụ nữ được	Lúa bị hư hại Hoa màu bị hư hại	Trung bình Trung bình

			1,6 km kênh mương chưa kiên cố Không có Tổ Hợp tác để chỉ đạo sản xuất 10% người trồng trọt chưa có kiến thức KHKT về trồng trọt	tập huấn Người dân có kinh nghiệm trong trồng trọt		
Bão	Tân Lộc	119	100 m2 nhà kính trồng dưa lưới trong vùng tác động của bão	Do tư nhân quản lý và trồng trọt Người trồng cả nam và nữ, có kiến thức KHKT về trồng trọt	Nhà kính bị hư hại Dưa hư	Trung bình Trung bình
Hạn	Tân Lộc	119	3 ha ở vùng thiếu nước Không có máy bơm	Có 2 máy bơm điện đã chiến của huyện về bơm	Giảm năng suất	Thấp
	Tân Thịnh	179	15 ha ở vùng thiếu nước Không có máy bơm	Có 2 máy bơm điện đã chiến của huyện về bơm	Giảm năng suất	Thấp
	Tân Ly	81	13 ha ở vùng thiếu nước Không có máy bơm	Có 2 máy bơm điện đã chiến của huyện về bơm	Giảm năng suất	Thấp
	Tân Bằng	111	5 ha ở vùng thiếu nước Không có máy bơm	Có 2 máy bơm điện đã chiến của huyện về bơm	Giảm năng suất	Thấp
	Tân Thái	96	5 ha ở vùng thiếu nước Không có máy bơm	Có 2 máy bơm điện đã chiến của huyện về bơm	Giảm năng suất	Thấp
	Tân Ninh	208	15 ha ở vùng thiếu nước Không có máy bơm	Có 2 máy bơm điện đã chiến của huyện về bơm	Giảm năng suất	Thấp
	Tân Lạc	120	11 ha ở vùng thiếu nước Không có máy bơm	Có 2 máy bơm điện đã chiến của huyện về bơm	Giảm năng suất	Thấp
	Tân Hạ	90	7 ha ở vùng thiếu nước Không có máy bơm	Có 2 máy bơm điện đã chiến của huyện về bơm	Giảm năng suất	Thấp
Rét	Tân Đa	135	62,4 ha lúa gieo trồng trong vùng tác động của rét	Có HTX chỉ đạo sản xuất 100% người trồng lúa có kiến thức, kinh nghiệm phòng chống rét cho cây lúa	Mạ ( lúa mới gieo) nguy có bị rét chết	Thấp
	Tân Lộc	119	55,4 ha lúa gieo trồng trong vùng tác động của rét	Có HTX chỉ đạo sản xuất 100% người trồng lúa có kiến thức, kinh nghiệm phòng chống rét cho cây lúa	Mạ ( lúa mới gieo) nguy có bị rét chết	Thấp
	Tân Lạc	94	60,2 ha lúa gieo trồng trong vùng tác động của rét	Có HTX chỉ đạo sản xuất 100% người trồng lúa	Mạ ( lúa mới gieo) nguy có bị rét chết	Thấp

			có kiến thức, kinh nghiệm phòng chống rét cho cây lúa			
Tân Truyền	112	58 ha lúa gieo trồng trong vùng tác động của rét	Có HTX chỉ đạo sản xuất 100% người trồng lúa có kiến thức, kinh nghiệm phòng chống rét cho cây lúa	Mạ ( lúa mới gieo) nguy cơ bị rét chết	Thấp	
Tân Thịnh	179	71 ha lúa gieo trồng trong vùng tác động của rét Không có HTX chỉ đạo sản xuất	100% người trồng lúa có kiến thức, kinh nghiệm phòng chống rét cho cây lúa	Mạ ( lúa mới gieo) nguy cơ bị rét chết	Thấp	
Tân Ly	81	47,4 ha lúa gieo trồng trong vùng tác động của rét Không có HTX chỉ đạo sản xuất	100% người trồng lúa có kiến thức, kinh nghiệm phòng chống rét cho cây lúa	Mạ ( lúa mới gieo) nguy cơ bị rét chết	Thấp	
Tân Bằng	111	38 ha lúa gieo trồng trong vùng tác động của rét Không có HTX chỉ đạo sản xuất	100% người trồng lúa có kiến thức, kinh nghiệm phòng chống rét cho cây lúa	Mạ ( lúa mới gieo) nguy cơ bị rét chết	Thấp	
Tân Thái	96	56 ha lúa gieo trồng trong vùng tác động của rét Không có HTX chỉ đạo sản xuất	100% người trồng lúa có kiến thức, kinh nghiệm phòng chống rét cho cây lúa	Mạ ( lúa mới gieo) nguy cơ bị rét chết	Thấp	
Tân Ninh	208	129,6 ha lúa gieo trồng trong vùng tác động của rét Không có HTX chỉ đạo sản xuất	100% người trồng lúa có kiến thức, kinh nghiệm phòng chống rét cho cây lúa	Mạ ( lúa mới gieo) nguy cơ bị rét chết	Thấp	
Tân Lạc	120	81,6 ha lúa gieo trồng trong vùng tác động của rét Không có HTX chỉ đạo sản xuất	100% người trồng lúa có kiến thức, kinh nghiệm phòng chống rét cho cây lúa	Mạ ( lúa mới gieo) nguy cơ bị rét chết	Thấp	
Tân Hòa	198	179,2 ha lúa gieo trồng trong vùng tác động của rét Không có HTX chỉ đạo sản xuất	100% người trồng lúa có kiến thức, kinh nghiệm phòng chống rét cho cây lúa	Mạ ( lúa mới gieo) nguy cơ bị rét chết	Thấp	
Tân Hạ	90	60 ha lúa gieo trồng trong vùng tác động của rét Không có HTX chỉ đạo sản xuất	100% người trồng lúa có kiến thức, kinh nghiệm phòng chống rét cho cây lúa	Mạ ( lúa mới gieo) nguy cơ bị rét chết	Thấp	
Lượng mưa thay đổi  Mưa nhiều	Tân Đa	135	6,2 ha sắn, khoai trồng ở vùng thường bị mưa lâu ngày làm hư thối củ	50% người trồng có kinh nghiệm thu hoạch sớm	Nguy cơ sắn, khoai hư , thối do ngâm nước dài ngày	Trung bình
	Tân Lộc	119	12,5 ha sắn, khoai trồng ở vùng thường bị mưa lâu ngày làm hư thối củ	50% người trồng có kinh nghiệm thu hoạch sớm	Nguy cơ sắn, khoai hư , thối do ngâm nước dài	Trung bình

				ngày	
Tân Lạc	94	5,8 ha sắn, khoai trồng ở vùng thường bị mưa lâu ngày làm hư thối củ	50% người trồng có kinh nghiệm thu hoạch sớm	Nguy cơ sắn, khoai hư , thối do ngâm nước dài ngày	Trung bình
Tân Truyền	112	15 ha sắn, khoai trồng ở vùng thường bị mưa lâu ngày làm hư thối củ	50% người trồng có kinh nghiệm thu hoạch sớm	Nguy cơ sắn, khoai hư , thối do ngâm nước dài ngày	Trung bình
Tân Thịnh	179	3 ha sắn, khoai trồng ở vùng thường bị mưa lâu ngày làm hư thối củ	50% người trồng có kinh nghiệm thu hoạch sớm	Nguy cơ sắn, khoai hư , thối do ngâm nước dài ngày	Trung bình
Tân Ly	81	4,5 ha sắn, khoai trồng ở vùng thường bị mưa lâu ngày làm hư thối củ	50% người trồng có kinh nghiệm thu hoạch sớm	Nguy cơ sắn, khoai hư , thối do ngâm nước dài ngày	Trung bình
Tân Bằng	111	2,5 ha sắn, khoai trồng ở vùng thường bị mưa lâu ngày làm hư thối củ	50% người trồng có kinh nghiệm thu hoạch sớm	Nguy cơ sắn, khoai hư , thối do ngâm nước dài ngày	Trung bình
Tân Thái	96	3,4 ha sắn, khoai trồng ở vùng thường bị mưa lâu ngày làm hư thối củ	50% người trồng có kinh nghiệm thu hoạch sớm	Nguy cơ sắn, khoai hư , thối do ngâm nước dài ngày	Trung bình
Tân Ninh	208	4 ha sắn, khoai trồng ở vùng thường bị mưa lâu ngày làm hư thối củ	50% người trồng có kinh nghiệm thu hoạch sớm	Nguy cơ sắn, khoai hư , thối do ngâm nước dài ngày	Trung bình
Tân Lạc	120	5 ha sắn, khoai trồng ở vùng thường bị mưa lâu ngày làm hư thối củ	50% người trồng có kinh nghiệm thu hoạch sớm	Nguy cơ sắn, khoai hư , thối do ngâm nước dài ngày	Trung bình
Tân Hòa	198	12,5 ha sắn, khoai trồng ở vùng thường bị mưa lâu ngày làm hư thối củ	50% người trồng có kinh nghiệm thu hoạch sớm	Nguy cơ sắn, khoai hư , thối do ngâm nước dài ngày	Trung bình
Tân Hạ	90	7 ha sắn, khoai trồng ở vùng thường bị mưa lâu ngày làm hư thối củ	50% người trồng có kinh nghiệm thu hoạch sớm	Nguy cơ sắn, khoai hư , thối do ngâm nước dài ngày	Trung bình

**Ghi chú khác: Sử dụng công cụ Lịch mùa vụ**

**Hướng dẫn điền**

- Cột 1 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (2)
- Cột 2 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (4)
- Cột 3 – Tham khảo biểu Phân bố dân cư (A5), cột (3)
- Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, **B11**), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TUBĐKH (B13)
- Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực trồng trọt mà xã/thôn đã có

- Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực trồng trọt của từng loại hình thiên tai tại từng thôn
- Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực trồng trọt dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

**25. Chăn nuôi**

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
Lợn và bò	Tân Đa	135	Số lượng đàn gia súc, gia cầm nuôi trong vùng ngập lụt 47 con trâu bò 80 con lợn, 20% chuồng lợn thấp 2800 con gà vịt. 30% hộ nuôi thả rong	- 100% con trâu, bò có nơi trú ẩn an toàn khi có lũ lụt - 80 % chuồng lợn kiên cố, nâng cao - Có 1 trang trại chăn nuôi gà, - 70% hộ nuôi gà nhốt chuồng	Trâu bò chết  Lợn chết/trôi  Gà, vịt chết/trôi	Thấp  Trung bình  Trung bình	
	Tân Lộc	119	Số lượng đàn gia súc, gia cầm nuôi trong vùng ngập lụt 36 con trâu bò 60 con lợn, 20% chuồng lợn thấp 1600 con gà vịt, 30% hộ nuôi thả rong	- 100% con trâu, bò có nơi trú ẩn an toàn khi có lũ lụt - 80 % chuồng lợn kiên cố, nâng cao - 70% hộ nuôi gà nhốt chuồng	Trâu bò chết  Lợn chết/trôi  Gà, vịt chết/trôi	Thấp  Trung bình  Trung bình	
	Tân Truyền	112	Số lượng đàn gia súc, gia cầm nuôi trong vùng ngập lụt 29 con trâu bò 140 con lợn, 20% chuồng lợn thấp 1500 con gà vịt, 30% hộ nuôi thả rong	- 100% con trâu, bò có nơi trú ẩn an toàn khi có lũ lụt - 80 % chuồng lợn kiên cố, nâng cao - Có 1 trang trại chăn nuôi gà, - 70% hộ nuôi gà nhốt chuồng	Trâu bò chết  Lợn chết/trôi  Gà, vịt chết/trôi	Thấp  Trung bình  Trung bình	
	Tân Thịnh	179	Số lượng đàn gia súc, gia cầm nuôi trong vùng ngập lụt 143 con trâu bò 240 con lợn, 20% chuồng lợn thấp 2675 con gà vịt, 30% hộ nuôi thả rong	- 100% con trâu, bò có nơi trú ẩn an toàn khi có lũ lụt - 80 % chuồng lợn kiên cố, nâng cao - Có 2 trang trại chăn nuôi gà,	Trâu bò chết  Lợn chết/trôi  Gà, vịt chết/trôi	Thấp  Trung bình  Trung bình	

			1960 con g, vịt nuôi nhốt chuồng an toàn		
Tân Ly	81	Số lượng đàn gia súc, gia cầm nuôi trong vùng ngập lụt 70 con trâu bò 200 con lợn , 20% chuồng lợn thấp 2100 con gà vịt , 30% hộ nuôi thả rong	- 100% con trâu, bò có nơi trú ẩn an toàn khi có lũ lụt - 80 % chuồng lợn kiên cố, nâng cao - Có 2 trang trại chăn nuôi gà, - 70% hộ nuôi gà nhốt chuồng	Trâu bò chết  Lợn chết/trôi  Gà, vịt chết/trôi	Thấp  Trung bình  Trung bình
Tân Bằng	111	Số lượng đàn gia súc, gia cầm nuôi trong vùng ngập lụt 13 con trâu bò 180 con lợn , 20% chuồng lợn thấp 2000 con gà vịt , 30% hộ nuôi thả rong	- 100% con trâu, bò có nơi trú ẩn an toàn khi có lũ lụt - 80 % chuồng lợn kiên cố, nâng cao - Có 2 trang trại chăn nuôi gà, - 70% hộ nuôi gà nhốt chuồng	Trâu bò chết  Lợn chết/trôi  Gà, vịt chết/trôi	Thấp  Trung bình  Trung bình
Tân Thái	96	Số lượng đàn gia súc, gia cầm nuôi trong vùng ngập lụt 50 con trâu bò 120 con lợn , 20% chuồng lợn thấp 1900 con gà vịt , 30% hộ nuôi thả rong	- 100% con trâu, bò có nơi trú ẩn an toàn khi có lũ lụt - 80 % chuồng lợn kiên cố, nâng cao - Có 2 trang trại chăn nuôi, - 70% hộ nuôi gà nhốt chuồng	Trâu bò chết  Lợn chết/trôi  Gà, vịt chết/trôi	Thấp  Trung bình  Trung bình
Tân Ninh	208	Số lượng đàn gia súc, gia cầm nuôi trong vùng ngập lụt 40 con trâu bò 460 con lợn , 20% chuồng lợn thấp 6900 con gà vịt , 30% hộ nuôi thả rong	- 100% con trâu, bò có nơi trú ẩn an toàn khi có lũ lụt - 80 % chuồng lợn kiên cố, nâng cao - Có 2 trang trại chăn nuôi gà, - 70% hộ nuôi gà nhốt chuồng	Trâu bò chết  Lợn chết/trôi  Gà, vịt chết/trôi	Thấp  Trung bình  Trung bình

	Tân Lạc	120	Số lượng đàn gia súc, gia cầm nuôi trong vùng ngập lụt 40 con trâu bò 210 con lợn, 20% chuồng lợn thấp 2000 con gà vịt, 30% hộ nuôi thả rong	- 100% con trâu, bò có nơi trú ẩn an toàn khi có lũ lụt - 80 % chuồng lợn kiên cố, nâng cao - Có 2 trang trại chăn nuôi gà, - 70% hộ nuôi gà nhốt chuồng	Trâu bò chết  Lợn chết/trôi  Gà, vịt chết/trôi	Thấp  Trung bình  Trung bình
	Tân Hòa	198	Số lượng đàn gia súc, gia cầm nuôi trong vùng ngập lụt 88 con trâu bò 530 con lợn, 20% chuồng lợn thấp 5105 con gà vịt, 30% hộ nuôi thả rong	- 100% con trâu, bò có nơi trú ẩn an toàn khi có lũ lụt - 80 % chuồng lợn kiên cố, nâng cao - Có 1 trang trại chăn nuôi gà, - 70% hộ nuôi gà nhốt chuồng	Trâu bò chết  Lợn chết/trôi  Gà, vịt chết/trôi	Thấp  Trung bình  Trung bình
	Tân Hạ	90	Số lượng đàn gia súc, gia cầm nuôi trong vùng ngập lụt 34 con trâu bò 120 con lợn, 20% chuồng lợn thấp 840 con gà vịt nuôi thả rong, dễ bị tác động của	- 100% con trâu, bò có nơi trú ẩn an toàn khi có lũ lụt - 80 % chuồng lợn kiên cố, nâng cao - Có 1 trang trại chăn nuôi gà, - 70% hộ nuôi gà, vịt nhốt chuồng	Trâu bò chết  Lợn chết/trôi  Gà, vịt chết/trôi	Thấp  Trung bình  Trung bình
Rét	Tân Đa	135	104 con trâu bò nuôi trong vùng rét tác động 5% hộ gia đình chuồng trại chưa kín	95% hộ có chuồng trại an toàn	Trâu bò có nguy cơ chết, bệnh do rét	Thấp
	Tân Lộc	119	82 con trâu bò nuôi trong vùng rét tác động 5% hộ gia đình chuồng trại chưa kín	95% hộ có chuồng trại an toàn	Trâu bò có nguy cơ chết, bệnh do rét	Thấp
	Tân Lạc	94	con trâu bò nuôi trong vùng rét tác động 5% hộ gia đình chuồng trại chưa kín	95% hộ có chuồng trại an toàn	Trâu bò có nguy cơ chết, bệnh do rét	Thấp
	Tân Truyền	112	104 con trâu bò nuôi trong vùng rét tác động 5% hộ gia đình chuồng trại chưa kín	95% hộ có chuồng trại an toàn	Trâu bò có nguy cơ chết, bệnh do rét	Thấp

Tân Thịnh	179	104 con trâu bò nuôi trong vùng rét tác động 5% hộ gia đình chuồng trại chưa kín	95% hộ có chuồng trại an toàn	Trâu bò có nguy cơ chết, bệnh do rét	Thấp
Tân Ly	81	104 con trâu bò nuôi trong vùng rét tác động 5% hộ gia đình chuồng trại chưa kín	95% hộ có chuồng trại an toàn	Trâu bò có nguy cơ chết, bệnh do rét	Thấp
Tân Bằng	111	104 con trâu bò nuôi trong vùng rét tác động 5% hộ gia đình chuồng trại chưa kín	95% hộ có chuồng trại an toàn	Trâu bò có nguy cơ chết, bệnh do rét	Thấp
Tân Thái	96	104 con trâu bò nuôi trong vùng rét tác động 5% hộ gia đình chuồng trại chưa kín	95% hộ có chuồng trại an toàn	Trâu bò có nguy cơ chết, bệnh do rét	Thấp
Tân Ninh	208	104 con trâu bò nuôi trong vùng rét tác động 5% hộ gia đình chuồng trại chưa kín	95% hộ có chuồng trại an toàn	Trâu bò có nguy cơ chết, bệnh do rét	Thấp
Tân Lạc	120	104 con trâu bò nuôi trong vùng rét tác động 5% hộ gia đình chuồng trại chưa kín	95% hộ có chuồng trại an toàn	Trâu bò có nguy cơ chết, bệnh do rét	Thấp
Tân Hòa	198	104 con trâu bò nuôi trong vùng rét tác động 5% hộ gia đình chuồng trại chưa kín	95% hộ có chuồng trại an toàn	Trâu bò có nguy cơ chết, bệnh do rét	Thấp
Tân Hạ	90	104 con trâu bò nuôi trong vùng rét tác động 5% hộ gia đình chuồng trại chưa kín	95% hộ có chuồng trại an toàn	Trâu bò có nguy cơ chết, bệnh do rét	Thấp

**Ghi chú khác: Sử dụng công cụ Lịch mùa vụ**

**Hướng dẫn điền**

- Cột 1 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (2)
- Cột 2 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (4)
- Cột 3 – Tham khảo biểu Phân bố dân cư (A5), cột (3)
- Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, **B11**), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TUBĐKH (B13)
- Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực Chăn nuôi mà xã/thôn đã có
- Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực Chăn nuôi của từng loại hình thiên tai tại từng thôn
- Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực Chăn nuôi dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

**26. Thủy Sản**

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
--------------------------	----------	------------	--------	--	-----------------------	--------------------------------



(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lục	Tân Đa	135	5 ha ao, hồ nuôi cá 3,5 ha nuôi cá vụ 3 (cá nuôi trên ruộng sau khi gặt xong) Phản động các hồ nuôi của gia đình mặt đê quanh hồ thấp	Phản động người dân có kinh nghiệm về nuôi trồng và bảo vệ thủy sản	Cá trôi, chết	Cao
	Tân Lộc	119	7,2 ha ao, hồ nuôi cá 9 ha nuôi cá vụ 3 (cá nuôi trên ruộng sau khi gặt xong) 0,35 ha hồ nuôi ếch Phản động các hồ nuôi của gia đình mặt đê quanh hồ thấp	Phản động người dân có kinh nghiệm về nuôi trồng và bảo vệ thủy sản	Cá trôi, chết Ếch trôi	Cao Trung bình
	Tân Lược	94	5 ha ao, hồ nuôi cá 9,6 ha nuôi cá vụ 3 (cá nuôi trên ruộng sau khi gặt xong) Phản động các hồ nuôi của gia đình mặt đê quanh hồ thấp	Phản động người dân có kinh nghiệm về nuôi trồng và bảo vệ thủy sản	Cá trôi, chết	Cao
	Tân Truyền	112	6 ha ao, hồ nuôi cá 15,8 ha nuôi cá vụ 3 (cá nuôi trên ruộng sau khi gặt xong) 0,3 ha hồ nuôi ếch Phản động các hồ nuôi của gia đình mặt đê quanh hồ thấp	Phản động người dân có kinh nghiệm về nuôi trồng và bảo vệ thủy sản	Cá trôi, chết Ếch trôi	Cao Trung bình
	Tân Thịnh	179	7 ha ao, hồ nuôi cá 18,5 ha nuôi cá vụ 3 (cá nuôi trên ruộng sau khi gặt xong) 1,35 ha hồ nuôi ếch Phản động các hồ nuôi của gia đình mặt đê quanh hồ thấp	Phản động người dân có kinh nghiệm về nuôi trồng và bảo vệ thủy sản	Cá trôi, chết Ếch trôi	Cao Trung bình
	Tân Ly	81	8,3 ha ao, hồ nuôi cá 22,1 ha nuôi cá vụ 3 (cá nuôi trên ruộng sau khi gặt xong) 3,95 ha hồ nuôi ếch Phản động các hồ nuôi của gia đình mặt đê quanh hồ thấp	Phản động người dân có kinh nghiệm về nuôi trồng và bảo vệ thủy sản	Cá trôi, chết Ếch trôi	Cao Trung bình
	Tân Bằng	111	8 ha ao, hồ nuôi cá 18,6 ha nuôi cá vụ 3 (cá nuôi trên ruộng sau khi gặt xong) 1,7 ha hồ nuôi ếch Phản động các hồ nuôi của gia đình mặt đê	Phản động người dân có kinh nghiệm về nuôi trồng và bảo vệ thủy sản  Có 1 trại nuôi ếch và sản xuất giống ếch	Cá trôi, chết Ếch trôi	Cao Trung bình

		quanh hồ thấp				
Tân Thái	96	7,1 ha ao, hồ nuôi cá 11 ha nuôi cá vụ 3 (cá nuôi trên ruộng sau khi gặt xong) 1,1 ha hồ nuôi ếch Phản động các hồ nuôi của gia đình mặt đê quanh hồ thấp	Phần đông người dân có kinh nghiệm về nuôi trồng và bảo vệ thủy sản	Cá trôi, chết Ếch trôi	Cao Trung bình	
Tân Ninh	208	6,4 ha ao, hồ nuôi cá 21,1 ha nuôi cá vụ 3 (cá nuôi trên ruộng sau khi gặt xong) 3,5 ha hồ nuôi ếch Phản động các hồ nuôi của gia đình mặt đê quanh hồ thấp	Phần đông người dân có kinh nghiệm về nuôi trồng và bảo vệ thủy sản Có 1 trại nuôi ếch và sản xuất giống ếch	Cá trôi, chết Ếch trôi	Cao Trung bình	
Tân Lạc	120	8 ha ao, hồ nuôi cá 18,8 ha nuôi cá vụ 3 (cá nuôi trên ruộng sau khi gặt xong) 0,5 ha hồ nuôi ếch Phản động các hồ nuôi của gia đình mặt đê quanh hồ thấp	Phần đông người dân có kinh nghiệm về nuôi trồng và bảo vệ thủy sản Có 1 trại nuôi ếch và sản xuất giống ếch	Cá trôi, chết Ếch trôi	Cao Trung bình	
Tân Hòa	198	9 ha ao, hồ nuôi cá 7 ha nuôi cá vụ 3 (cá nuôi trên ruộng sau khi gặt xong) 0,9 ha hồ nuôi ếch Phản động các hồ nuôi của gia đình mặt đê quanh hồ thấp	Phần đông người dân có kinh nghiệm về nuôi trồng và bảo vệ thủy sản	Cá trôi, chết Ếch trôi	Cao Trung bình	
Tân Hạ	90	8 ha ao, hồ nuôi cá 6,1 ha nuôi cá vụ 3 (cá nuôi trên ruộng sau khi gặt xong) 3 ha hồ nuôi ếch Phản động các hồ nuôi của gia đình mặt đê quanh hồ thấp	Phần đông người dân có kinh nghiệm về nuôi trồng và bảo vệ thủy sản Có 1 trại nuôi ếch và sản xuất giống ếch	Cá trôi, chết Ếch trôi	Cao Trung bình	
Bão + lụt	Tân Đa	135	3,5 ha nuôi cá vụ 3 (cá nuôi trên ruộng sau khi gặt xong)	Dùng lưới vây chắn cá Người dân có kinh nghiệm về nuôi trồng và bảo vệ thủy sản	Nguy cơ lưới vây bị bão làm hư hại Cá trôi	Cao
	Tân Lộc	119	9 ha nuôi cá vụ 3 (cá nuôi trên ruộng sau khi gặt xong)	Dùng lưới vây chắn cá Người dân có kinh nghiệm về nuôi trồng và bảo vệ thủy sản	Nguy cơ lưới vây bị bão làm hư hại Cá trôi	Cao

Tân Lục	94	9,6 ha nuôi cá vụ 3 (cá nuôi trên ruộng sau khi gặt xong)	Dùng lưới vây chắn cá Người dân có kinh nghiệm về nuôi trồng và bảo vệ thủy sản	Nguy cơ lưới vây bị bão làm hư hại Cá trôi	Cao
Tân Truyền	112	15,8 ha nuôi cá vụ 3 (cá nuôi trên ruộng sau khi gặt xong)	Dùng lưới vây chắn cá Người dân có kinh nghiệm về nuôi trồng và bảo vệ thủy sản	Nguy cơ lưới vây bị bão làm hư hại Cá trôi	Cao
Tân Thịnh	179	18,5 ha nuôi cá vụ 3 (cá nuôi trên ruộng sau khi gặt xong)	Dùng lưới vây chắn cá Người dân có kinh nghiệm về nuôi trồng và bảo vệ thủy sản	Nguy cơ lưới vây bị bão làm hư hại Cá trôi	Cao
Tân Ly	81	22,1 ha nuôi cá vụ 3 (cá nuôi trên ruộng sau khi gặt xong)	Dùng lưới vây chắn cá Người dân có kinh nghiệm về nuôi trồng và bảo vệ thủy sản	Nguy cơ lưới vây bị bão làm hư hại Cá trôi	Cao
Tân Bằng	111	18,6 ha nuôi cá vụ 3 (cá nuôi trên ruộng sau khi gặt xong)	Dùng lưới vây chắn cá Người dân có kinh nghiệm về nuôi trồng và bảo vệ thủy sản	Nguy cơ lưới vây bị bão làm hư hại Cá trôi	Cao
Tân Thái	96	11 ha nuôi cá vụ 3 (cá nuôi trên ruộng sau khi gặt xong)	Dùng lưới vây chắn cá Người dân có kinh nghiệm về nuôi trồng và bảo vệ thủy sản	Nguy cơ lưới vây bị bão làm hư hại Cá trôi	Cao
Tân Ninh	208	21,1 ha nuôi cá vụ 3 (cá nuôi trên ruộng sau khi gặt xong)	Dùng lưới vây chắn cá Người dân có kinh nghiệm về nuôi trồng và bảo vệ thủy sản	Nguy cơ lưới vây bị bão làm hư hại Cá trôi	Cao
Tân Lạc	120	16,8 ha nuôi cá vụ 3 (cá nuôi trên ruộng sau khi gặt xong)	Dùng lưới vây chắn cá Người dân có kinh nghiệm về nuôi trồng và bảo vệ thủy sản	Nguy cơ lưới vây bị bão làm hư hại Cá trôi	Cao
Tân Hòa	198	7 ha nuôi cá vụ 3 (cá nuôi trên ruộng sau khi gặt xong)	Dùng lưới vây chắn cá Người dân có kinh nghiệm về nuôi trồng và bảo vệ thủy sản	Nguy cơ lưới vây bị bão làm hư hại Cá trôi	Cao

Tân Hạ	90	6,1 ha nuôi cá vụ 3 (cá nuôi trên ruộng sau khi gặt xong)	Dùng lưới vây chắn cá Người dân có kinh nghiệm về nuôi trồng và bảo vệ thủy sản	Nguy cơ lưới vây bị bão làm hư hại Cá trôi	Cao
--------	----	---	--	--	-----

**Ghi chú khác: Sử dụng công cụ Lịch mùa vụ**

**Hướng dẫn điền**

Cột 1 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (2)

Cột 2 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (4)

Cột 3 – Tham khảo biểu Phân bố dân cư (A5), cột (3)

Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, **B11**), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TUBĐKH (B13)

Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực Thủy sản mà xã/thôn đã có

Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực Thủy sản của từng loại hình thiên tai tại từng thôn

Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực Thủy sản dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

**27. Du lịch**

**Ghi chú khác: Xã không có hoạt động du lịch**

**28. Buôn bán và dịch vụ khác**

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lượ	Tân Đa	135	15 hộ buôn bán ở trong vùng ngập lụt Buôn bán nhỏ chưa có kho hàng để cất giữ	Các hộ có kinh nghiệm trong việc bảo vệ hàng hóa vào mùa lụt	Hàng hóa hư, ướt	Thấp
			1 hộ kinh doanh may mặc trong vùng ngập lụt		Hư máy móc	Thấp
	Tân Lộc	119	10 hộ buôn bán ở trong vùng ngập lụt Buôn bán nhỏ chưa có kho hàng để cất giữ	Các hộ có kinh nghiệm trong việc bảo vệ hàng hóa vào mùa lụt	Hàng hóa hư, ướt	Thấp
			1 hộ kinh doanh may mặc trong vùng ngập lụt		Hư máy móc	Thấp
	Tân Lượ	94	0	0	0	0
Tân Truyền	112	8 hộ buôn bán ở trong vùng ngập lụt Buôn bán nhỏ chưa có kho hàng để cất giữ	Các hộ có kinh nghiệm trong việc bảo vệ hàng hóa vào mùa lụt	Hàng hóa hư, ướt	Thấp	
		2 hộ kinh doanh may		Hư máy móc	Thấp	

		mặc trong vùng ngập lụt			
Tân Thịnh	179	13 hộ buôn bán ở trong vùng ngập lụt Buôn bán nhỏ chưa có kho hàng để cất giữ  2 hộ kinh doanh may mặc trong vùng ngập lụt	Các hộ có kinh nghiệm trong việc bảo vệ hàng hóa vào mùa lụt	Hàng hóa hư, ướt  Hư máy móc	Thấp  Thấp
Tân Ly	81	18 hộ buôn bán ở trong vùng ngập lụt Buôn bán nhỏ chưa có kho hàng để cất giữ	Các hộ có kinh nghiệm trong việc bảo vệ hàng hóa vào mùa lụt	Hàng hóa hư, ướt	Thấp
Tân Bằng	111	2 hộ buôn bán ở trong vùng ngập lụt Buôn bán nhỏ chưa có kho hàng để cất giữ	Các hộ có kinh nghiệm trong việc bảo vệ hàng hóa vào mùa lụt	Hàng hóa hư, ướt	Thấp
Tân Thái	96	2 hộ buôn bán ở trong vùng ngập lụt Buôn bán nhỏ chưa có kho hàng để cất giữ	Các hộ có kinh nghiệm trong việc bảo vệ hàng hóa vào mùa lụt	Hàng hóa hư, ướt	Thấp
Tân Ninh	208	4 hộ buôn bán ở trong vùng ngập lụt Buôn bán nhỏ chưa có kho hàng để cất giữ 3 hộ kinh doanh may mặc trong vùng ngập lụt	Các hộ có kinh nghiệm trong việc bảo vệ hàng hóa vào mùa lụt	Hàng hóa hư, ướt  Máy móc hư	Thấp  Thấp
Tân Lạc	120	4 hộ buôn bán ở trong vùng ngập lụt Buôn bán nhỏ chưa có kho hàng để cất giữ 1 hộ kinh doanh may mặc trong vùng ngập lụt	Các hộ có kinh nghiệm trong việc bảo vệ hàng hóa vào mùa lụt	Hàng hóa hư, ướt  Máy móc hư	Thấp  Thấp
Tân Hòa	198	4 hộ buôn bán ở trong vùng ngập lụt Buôn bán nhỏ chưa có kho hàng để cất giữ  1 hộ kinh doanh may mặc trong vùng ngập lụt	Các hộ có kinh nghiệm trong việc bảo vệ hàng hóa vào mùa lụt	Hàng hóa hư, ướt  Máy móc hư	Thấp  Thấp
Tân Hạ	90	2 hộ buôn bán ở trong vùng ngập lụt Buôn bán nhỏ chưa có kho hàng để cất giữ	Các hộ có kinh nghiệm trong việc bảo vệ hàng hóa vào mùa lụt	Hàng hóa hư, ướt	Thấp
Bão .....	Tân Đa	135	8 hộ kinh doanh có cơ sở kinh doanh bán kiên cố  Có 1 cơ sở kinh doanh kiên cố Các hộ kinh doanh	Cơ sở bán buôn, may bị hư hại	Thấp

		1 cơ sở may cơ sở bán kiên cố	có kinh nghiệm bảo vệ hàng hóa, phòng chống bão	Hàng hóa hư hại	Thấp
Tân Lộc	119	10 hộ kinh doanh có cơ sở kinh doanh bán kiên cố	Có 1 cơ sở kinh doanh kiên cố	Cơ sở bán buôn, may bị hư hại	Thấp
		1 cơ sở may cơ sở bán kiên cố	4 hộ kinh doanh có kinh nghiệm bảo vệ hàng hóa, phòng chống bão	Hàng hóa hư hại	Thấp
Tân Lục	94	8 hộ kinh doanh có cơ sở kinh doanh bán kiên cố	Có 1 cơ sở kinh doanh kiên cố	Cơ sở bán buôn, bị hư hại	Thấp
			3 hộ kinh doanh có kinh nghiệm bảo vệ hàng hóa, phòng chống bão	Hàng hóa hư hại	Thấp
Tân Truyền	112	8 hộ kinh doanh có cơ sở kinh doanh bán kiên cố	Có 1 cơ sở kinh doanh kiên cố	Cơ sở bán buôn, may bị hư hại	Thấp
		2 cơ sở may cơ sở bán kiên cố	6 hộ kinh doanh có kinh nghiệm bảo vệ hàng hóa, phòng chống bão	Hàng hóa hư hại	Thấp
Tân Thịnh	179	13 hộ kinh doanh có cơ sở kinh doanh bán kiên cố	Có 4 cơ sở kinh doanh kiên cố	Cơ sở bán buôn, may bị hư hại	Thấp
		2 cơ sở may cơ sở bán kiên cố	8 hộ kinh doanh có kinh nghiệm bảo vệ hàng hóa, phòng chống bão	Hàng hóa hư hại	Thấp
Tân Ly	81	18 hộ kinh doanh có cơ sở kinh doanh bán kiên cố	Có 1 cơ sở kinh doanh kiên cố	Cơ sở bán buôn bị hư hại	Thấp
			2 hộ kinh doanh có kinh nghiệm bảo vệ hàng hóa, phòng chống bão	Hàng hóa hư hại	Thấp
Tân Bằng	111	2 hộ kinh doanh có cơ sở kinh doanh bán kiên cố	Có 1 cơ sở kinh doanh kiên cố	Cơ sở bán buôn bị hư hại	Thấp
			3 hộ kinh doanh có kinh nghiệm bảo vệ hàng hóa, phòng chống bão	Hàng hóa hư hại	Thấp
Tân Thái	96	2 hộ kinh doanh có cơ sở kinh doanh bán kiên cố	2 hộ kinh doanh có kinh nghiệm bảo vệ hàng hóa, phòng chống bão	Cơ sở bán buôn bị hư hại	Thấp
				Hàng hóa hư hại	Thấp

	Tân Ninh	208	4 hộ kinh doanh có cơ sở kinh doanh bán kiên cố 3 cơ sở may cơ sở bán kiên cố	Các hộ kinh doanh có kinh nghiệm bảo vệ hàng hóa, phòng chống bão	Cơ sở bán buôn, may bị hư hại Hàng hóa hư hại	Thấp Thấp
	Tân Lạc	120	4 hộ kinh doanh có cơ sở kinh doanh bán kiên cố 1 cơ sở may cơ sở bán kiên cố	Các hộ kinh doanh có kinh nghiệm bảo vệ hàng hóa, phòng chống bão	Cơ sở bán buôn, may bị hư hại Hàng hóa hư hại	Thấp Thấp
	Tân Hòa	198	4 hộ kinh doanh có cơ sở kinh doanh bán kiên cố 1 cơ sở may cơ sở bán kiên cố	Các hộ kinh doanh có kinh nghiệm bảo vệ hàng hóa, phòng chống bão	Cơ sở bán buôn, may bị hư hại Hàng hóa hư hại	Thấp Thấp
	Tân Hạ	90	2 hộ kinh doanh có cơ sở kinh doanh bán kiên cố	Các hộ kinh doanh có kinh nghiệm bảo vệ hàng hóa, phòng chống bão	Cơ sở bán buôn bị hư hại Hàng hóa hư hại	Thấp Thấp
<i>Ghi chú khác: Sử dụng công cụ Lịch mùa vụ</i>						

**29. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm**

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰ BDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và Lụt	12 thôn		<ul style="list-style-type: none"> <li>- 12 thôn chưa có trang bị loa cầm tay</li> <li>- Hệ thống truyền thanh của xã, thôn bằng loa có dây dễ bị bão làm hư hại</li> <li>- Chưa có máy phát điện dự phòng khi có bão mất điện</li> <li>- Triển khai thông tin từ thôn tới người dân còn chậm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 95% hộ gia đình có các phương tiện nghe, nhìn</li> <li>- 100% người dân tiếp cận các thông tin cảnh báo từ loa truyền thanh thôn</li> <li>- 1945 hộ tiếp cận dịch vụ Internet.</li> <li>- Xã kịp thời triển khai thông tin xuống các thôn đảm bảo ứng phó với tình hình thiên tai</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không đảm bảo thông tin liên lạc, dự báo, cảnh báo khi có bão</li> <li>Hư hại hệ thống truyền thanh</li> </ul>	Thấp  Trung bình
<i>Ghi chú khác</i>						

**30. Phòng chống thiên tai/TỰ BDKH**

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰ BDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lục	12 Thôn		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban PCTT thôn chưa xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai hằng năm, thiếu các trang thiết bị, phương tiện PCTT, cứu hộ</li> <li>- Trong những năm qua xã chưa tổ chức diễn tập PCTT lần nào</li> <li>- Đội xung kích thiếu phương tiện cứu hộ cứu nạn, chưa được trang bị bảo hộ cá nhân</li> <li>- Ban lãnh đạo thôn, người dân chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BDKH</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- BCH PCTT &amp; TKCN xã thường xuyên được củng cố, kiện toàn, hằng năm đều xây dựng và triển khai kế hoạch PCTT.</li> <li>- Một số hộ dân biết gia cố chằng chống nhà cửa trước mùa thiên tai</li> <li>- Người dân có kinh nghiệm trong ứng phó với thiên tai</li> <li>- Các hộ gia đình có dự trữ lương thực thực phẩm 5.7 ngày trong mùa thiên tai</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ảnh hưởng đến ứng phó của thôn</li> <li>- Nguy cơ bị tai nạn cho đội xung kích khi thực thi nhiệm vụ.</li> <li>- Thiếu kiến thức</li> </ul>	<p>Trung bình</p> <p>Thấp</p> <p>Trung bình</p>
<b>Ghi chú khác</b>						

### 31. Giới trong PCTT và BDKH

Loại hình Thiên tai/BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và lụt	Tân Đa	135	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 21 phụ nữ đơn thân, trụ cột của gia đình</li> <li>- Tỷ lệ phụ nữ tham gia phòng chống thiên tai thấp hơn nam giới ( 40%) do quan niệm nam mạnh mẽ hơn</li> <li>- 10% phụ nữ chưa có các kiến thức về phòng chống thiên tai</li> <li>- 65% phụ nữ chưa biết bơi</li> <li>- Trong sản xuất/ kinh doanh trong nhiều hoạt động phụ nữ làm nhiều hơn nam giới tỷ lệ cao hơn 5-10%</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 40% phụ nữ tham gia hoạt động phòng chống thiên tai</li> <li>- 35% phụ nữ biết bơi</li> <li>- Trong sản xuất và kinh doanh phụ nữ và nam giới có vai trò như nhau, cùng hưởng lợi như nhau</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hư hại nhà cửa</li> <li>Ảnh hưởng đến tính mạng</li> <li>Bất bình đẳng giới</li> </ul>	<p>Trung bình</p> <p>Thấp</p> <p>Trung bình</p>
	Tân Lộc	119	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 23 phụ nữ đơn thân, trụ cột của gia đình</li> <li>- Tỷ lệ phụ nữ tham gia phòng chống thiên tai thấp hơn nam giới ( 40%) do</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 40% phụ nữ tham gia hoạt động phòng chống thiên tai</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hư hại nhà cửa</li> </ul>	<p>Trung bình</p>



		<p>quan niệm nam mạnh mẽ hơn</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 10% phụ nữ chưa có các kiến thức về phòng chống thiên tai</li> <li>- 65% phụ nữ chưa biết bơi</li> <li>- Trong sản xuất/ kinh doanh trong nhiều hoạt động phụ nữ làm nhiều hơn nam giới tỷ lệ cao hơn 5-10%</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 35% phụ nữ biết bơi</li> <li>- Trong sản xuất và kinh doanh phụ nữ và nam giới có vai trò như nhau, cùng hưởng lợi như nhau</li> </ul>	<p>Ảnh hưởng đến tính mạng</p> <p>Bất bình đẳng giới</p>	<p>Thấp</p> <p>Trung bình</p>
Tân Lạc	94	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 16 phụ nữ đơn thân, trụ cột của gia đình</li> <li>- Tỷ lệ phụ nữ tham gia phòng chống thiên tai thấp hơn nam giới ( 40%) do quan niệm nam mạnh mẽ hơn</li> <li>- 10% phụ nữ chưa có các kiến thức về phòng chống thiên tai</li> <li>- 65% phụ nữ chưa biết bơi</li> <li>- Trong sản xuất/ kinh doanh trong nhiều hoạt động phụ nữ làm nhiều hơn nam giới tỷ lệ cao hơn 5-10%</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 40% phụ nữ tham gia hoạt động phòng chống thiên tai</li> <li>- 35% phụ nữ biết bơi</li> <li>- Trong sản xuất và kinh doanh phụ nữ và nam giới có vai trò như nhau, cùng hưởng lợi như nhau</li> </ul>	<p>Hư hại nhà cửa</p> <p>Ảnh hưởng đến tính mạng</p> <p>Bất bình đẳng giới</p>	<p>Trung bình</p> <p>Thấp</p> <p>Trung bình</p>
Tân Truyền	112	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 6 phụ nữ đơn thân, trụ cột của gia đình</li> <li>- Tỷ lệ phụ nữ tham gia phòng chống thiên tai thấp hơn nam giới ( 40%) do quan niệm nam mạnh mẽ hơn</li> <li>- 10% phụ nữ chưa có các kiến thức về phòng chống thiên tai</li> <li>- 65% phụ nữ chưa biết bơi</li> <li>- Trong sản xuất/ kinh doanh trong nhiều hoạt động phụ nữ làm nhiều hơn nam giới tỷ lệ cao hơn 5-10%</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 40% phụ nữ tham gia hoạt động phòng chống thiên tai</li> <li>- 35% phụ nữ biết bơi</li> <li>- Trong sản xuất và kinh doanh phụ nữ và nam giới có vai trò như nhau, cùng hưởng lợi như nhau</li> </ul>	<p>Hư hại nhà cửa</p> <p>Ảnh hưởng đến tính mạng</p> <p>Bất bình đẳng giới</p>	<p>Trung bình</p> <p>Thấp</p> <p>Trung bình</p>
Tân Thịnh	179	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ phụ nữ tham gia phòng chống thiên tai thấp hơn nam giới ( 40%) do quan niệm nam mạnh mẽ hơn</li> <li>- 10% phụ nữ chưa có các kiến thức về phòng chống thiên tai</li> <li>- 65% phụ nữ chưa biết bơi</li> <li>- Trong sản xuất/ kinh</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 40% phụ nữ tham gia hoạt động phòng chống thiên tai</li> <li>- 35% phụ nữ biết bơi</li> <li>- Trong sản xuất và kinh doanh phụ nữ và nam giới có vai trò như nhau, cùng hưởng</li> </ul>	<p>Ảnh hưởng đến tính mạng</p> <p>Bất bình đẳng giới</p>	<p>Thấp</p> <p>Trung bình</p>

		doanh trong nhiều hoạt động phụ nữ làm nhiều hơn nam giới tỷ lệ cao hơn 5-10%	lợi như nhau		
Tân Ly	81	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 10 phụ nữ đơn thân, trụ cột của gia đình</li> <li>- Tỷ lệ phụ nữ tham gia phòng chống thiên tai thấp hơn nam giới ( 40%) do quan niệm nam mạnh mẽ hơn</li> <li>- 10% phụ nữ chưa có các kiến thức về phòng chống thiên tai</li> <li>- 65% phụ nữ chưa biết bơi</li> <li>- Trong sản xuất/ kinh doanh trong nhiều hoạt động phụ nữ làm nhiều hơn nam giới tỷ lệ cao hơn 5-10%</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 40% phụ nữ tham gia hoạt động phòng chống thiên tai</li> <li>- 35% phụ nữ biết bơi</li> <li>- Trong sản xuất và kinh doanh phụ nữ và nam giới có vai trò như nhau, cùng hưởng lợi như nhau</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hư hại nhà cửa</li> <li>Ảnh hưởng đến tính mạng</li> <li>Bất bình đẳng giới</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Trung bình</li> <li>Thấp</li> <li>Trung bình</li> </ul>
Tân Bằng	111	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 23 phụ nữ đơn thân, trụ cột của gia đình</li> <li>- Tỷ lệ phụ nữ tham gia phòng chống thiên tai thấp hơn nam giới ( 40%) do quan niệm nam mạnh mẽ hơn</li> <li>- 10% phụ nữ chưa có các kiến thức về phòng chống thiên tai</li> <li>- 65% phụ nữ chưa biết bơi</li> <li>- Trong sản xuất/ kinh doanh trong nhiều hoạt động phụ nữ làm nhiều hơn nam giới tỷ lệ cao hơn 5-10%</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 40% phụ nữ tham gia hoạt động phòng chống thiên tai</li> <li>- 35% phụ nữ biết bơi</li> <li>- Trong sản xuất và kinh doanh phụ nữ và nam giới có vai trò như nhau, cùng hưởng lợi như nhau</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hư hại nhà cửa</li> <li>Ảnh hưởng đến tính mạng</li> <li>Bất bình đẳng giới</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Trung bình</li> <li>Thấp</li> <li>Trung bình</li> </ul>
Tân Thái	96	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 22 phụ nữ đơn thân, trụ cột của gia đình</li> <li>- Tỷ lệ phụ nữ tham gia phòng chống thiên tai thấp hơn nam giới ( 40%) do quan niệm nam mạnh mẽ hơn</li> <li>- 10% phụ nữ chưa có các kiến thức về phòng chống thiên tai</li> <li>- 65% phụ nữ chưa biết bơi</li> <li>- Trong sản xuất/ kinh doanh trong nhiều hoạt động phụ nữ làm nhiều hơn nam giới tỷ lệ cao hơn 5-10%</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 40% phụ nữ tham gia hoạt động phòng chống thiên tai</li> <li>- 35% phụ nữ biết bơi</li> <li>- Trong sản xuất và kinh doanh phụ nữ và nam giới có vai trò như nhau, cùng hưởng lợi như nhau</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hư hại nhà cửa</li> <li>Ảnh hưởng đến tính mạng</li> <li>Bất bình đẳng giới</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Trung bình</li> <li>Thấp</li> <li>Trung bình</li> </ul>
Tân Ninh	208	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 34 phụ nữ đơn thân, trụ cột của gia đình</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 40% phụ nữ tham gia hoạt động phòng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hư hại nhà cửa</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Trung bình</li> </ul>

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ phụ nữ tham gia phòng chống thiên tai thấp hơn nam giới ( 40%) do quan niệm nam mạnh mẽ hơn</li> <li>- 10% phụ nữ chưa có các kiến thức về phòng chống thiên tai</li> <li>- 65% phụ nữ chưa biết bơi</li> <li>- Trong sản xuất/ kinh doanh trong nhiều hoạt động phụ nữ làm nhiều hơn nam giới tỷ lệ cao hơn 5-10%</li> </ul>	<p>chống thiên tai</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 35% phụ nữ biết bơi</li> <li>- Trong sản xuất và kinh doanh phụ nữ và nam giới có vai trò như nhau, cùng hưởng lợi như nhau</li> </ul>	<p>Ảnh hưởng đến tính mạng</p> <p>Bất bình đẳng giới</p>	<p>Thấp</p> <p>Trung bình</p>
Tân Lạc	120	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 13 phụ nữ đơn thân, trụ cột của gia đình</li> <li>- Tỷ lệ phụ nữ tham gia phòng chống thiên tai thấp hơn nam giới ( 40%) do quan niệm nam mạnh mẽ hơn</li> <li>- 10% phụ nữ chưa có các kiến thức về phòng chống thiên tai</li> <li>- 65% phụ nữ chưa biết bơi</li> <li>- Trong sản xuất/ kinh doanh trong nhiều hoạt động phụ nữ làm nhiều hơn nam giới tỷ lệ cao hơn 5-10%</li> </ul>	<p>- 40% phụ nữ tham gia hoạt động phòng chống thiên tai</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 35% phụ nữ biết bơi</li> <li>- Trong sản xuất và kinh doanh phụ nữ và nam giới có vai trò như nhau, cùng hưởng lợi như nhau</li> </ul>	<p>Hư hại nhà cửa</p> <p>Ảnh hưởng đến tính mạng</p> <p>Bất bình đẳng giới</p>	<p>Trung bình</p> <p>Thấp</p> <p>Trung bình</p>
Tân Hòa	198	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 27 phụ nữ đơn thân, trụ cột của gia đình</li> <li>- Tỷ lệ phụ nữ tham gia phòng chống thiên tai thấp hơn nam giới ( 40%) do quan niệm nam mạnh mẽ hơn</li> <li>- 10% phụ nữ chưa có các kiến thức về phòng chống thiên tai</li> <li>- 65% phụ nữ chưa biết bơi</li> <li>- Trong sản xuất/ kinh doanh trong nhiều hoạt động phụ nữ làm nhiều hơn nam giới tỷ lệ cao hơn 5-10%</li> </ul>	<p>- 40% phụ nữ tham gia hoạt động phòng chống thiên tai</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 35% phụ nữ biết bơi</li> <li>- Trong sản xuất và kinh doanh phụ nữ và nam giới có vai trò như nhau, cùng hưởng lợi như nhau</li> </ul>	<p>Hư hại nhà cửa</p> <p>Ảnh hưởng đến tính mạng</p> <p>Bất bình đẳng giới</p>	<p>Trung bình</p> <p>Thấp</p> <p>Trung bình</p>
Tân Hạ	90	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 15 phụ nữ đơn thân, trụ cột của gia đình</li> <li>- Tỷ lệ phụ nữ tham gia phòng chống thiên tai thấp hơn nam giới ( 40%) do quan niệm nam mạnh mẽ hơn</li> <li>- 10% phụ nữ chưa có các</li> </ul>	<p>- 40% phụ nữ tham gia hoạt động phòng chống thiên tai</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 35% phụ nữ biết bơi</li> <li>- Trong sản xuất và</li> </ul>	<p>Hư hại nhà cửa</p> <p>Ảnh hưởng đến tính mạng</p>	<p>Trung bình</p> <p>Thấp</p>

			kiến thức về phòng chống thiên tai - 65% phụ nữ chưa biết bơi - Trong sản xuất/ kinh doanh trong nhiều hoạt động phụ nữ làm nhiều hơn nam giới tỷ lệ cao hơn 5-10%	kinh doanh phụ nữ và nam giới có vai trò như nhau, cùng hưởng lợi như nhau	Bất bình đẳng giới	Trung bình
<b>Ghi chú khác</b>						

**32. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác**

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Tân Lạc	120	Có 1 xưởng may công nghiệp ở trong vùng ngập lụt	- Có 110 công nhân may ( 100 nữ, 10 nam) - Cơ sở may được nâng nền cao - Chủ cơ sở đã có sự chuẩn bị ứng phó khi lụt ngập cơ xưởng	Máy móc hư hại  Vật liệu ướt, hỏng	Thấp  Thấp
Bão	Tân Lạc	120	Xưởng may công nghiệp có cơ xưởng sản xuất bán kiên cố	- Chủ cơ sở đã có sự chuẩn bị ứng phó khi có bão	Nhà xưởng hư hại Máy móc hư	Thấp Thấp
	Tân Ninh	208	Xưởng sản xuất gỗ có cơ sở bán kiên cố	- Chủ cơ sở đã có sự chuẩn bị ứng phó khi có bão	Nhà xưởng hư hại	Thấp
<b>Ghi chú khác</b>						

**D. Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp**

**1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH**

Thứ tự vấn đề ưu tiên (*)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	TTDBTD	Nguyên nhân	Giải pháp (tách biệt giải pháp cho Nam/Nữ nếu được)
1	Gà vịt trôi chết	Ở vùng thấp trũng, chuồng trại kém không có sàn	Chuồng trại thấp, nuôi thả tự do Người dân còn chủ quan	Thay đổi tập quán chăn nuôi Xây dựng chuồng trại kiên cố Nâng cao nhận thức Cung cấp kiến thức về chăn nuôi cho phụ nữ
2	Cây rừng gãy/đổ	Cây nằm trong vùng trống chưa có rừng đai bảo vệ.	Người dân còn vì lợi nhuận nên chưa chú trọng vào lựa chọn cây trồng Chưa nắm bắt kỹ thuật	Nâng cao nhận thức, kiến thức về trồng rừng cho người dân Chọn giống phù hợp, chuyển đổi giống cây trồng.
3	Nhà sập/ tóc mái	Nhà thiếu kiên cố, bán kiên cố	Do còn chủ quan chưa chằng chống, chưa chằng chống đúng kỹ thuật	- Kiên cố hóa nhà cửa - Nâng cao nhận thức, kỹ thuật cho người dân - Hỗ trợ nguồn lực cho các gia đình khó khăn, gia đình có phụ nữ làm chủ hộ
4	Lúa hư/ chết	Do vùng thấp trũng, vùng bị tác động của hạn, rét	Hệ thống tưới, tiêu chưa đảm bảo, Kênh mương xuống cấp Giống cây trồng không chịu được rét	- Tu sửa, nạo vét khơi không kênh mương - Nâng cấp, xây mới hệ thống tưới, tiêu - Chuyển đổi giống lúa phù hợp với thời tiết. - Điều chỉnh lịch thời vụ phù hợp với thay đổi của khí hậu - nâng cao kiến thức cho nam giới và phụ nữ về kỹ thuật chăm sóc lúa khi gặp rét
5	Cá/Ếch trôi/chết	Nằm trong vùng thấp trũng, hệ thống đê bao thấp	- Người dân còn chủ quan, chưa có kế hoạch ứng phó với các hiện tượng thời tiết cực đoan	Nâng cao nhận thức , kỹ thuật về nuôi trồng thủy sản Gia cố , tôn cao bờ đê

		Cá nuôi vụ 3 trên đồng ruộng dễ bị ngập	- Hồ được nuôi chủ yếu trong vườn nhà nên mặt đê bao quanh hồ thấp - Lưới bao quanh ruộng chưa được chắc chắn	Gia có hệ thống lưới vây bảo vệ cá
6	Khoai sắn hư	Trồng ở vùng ngập, đọng nước	Lượng mưa lớn, thay đổi thất thường làm ngập, đất ngấm lún, khoai bị ngấm lâu ngày hư thối  Hệ thống tiêu úng còn kém hiệu quả.	Nâng cấp hệ thống tiêu úng  Chuyển đổi cơ cấu cây trồng
7	Hoa màu hư	Hoa màu trồng ở vùng thấp trũng	Hệ thống tiêu úng chưa đảm bảo	Nâng cấp hệ thống tiêu úng  Chuyển đổi giống cây trồng  Điều chỉnh lịch thời vụ
<b>Yêu cầu bắt buộc:</b>	<i>Đưa ra 03 chỉ tiêu để tăng cường công tác giới và giảm rủi ro thiên tai và khí hậu tách biệt cho nam và nữ, trẻ em gái và trai trong vòng 5-10 năm tới tại xã</i>			
<b>Lưu ý khác:</b>				

## 2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH

Nhóm ngành/lĩnh vực (*)	Các giải pháp đề xuất (**)	Địa điểm và đối tượng hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp (***)	Thời gian dự kiến		Nguồn ngân sách dự kiến
				Ngắn hạn (thời thực hiện dưới 2 năm)	Dài hạn (thời gian thực hiện trên 2 năm)	
An toàn với người dân và cộng đồng nói chung và tách biệt giải pháp về giới	Tập huấn nâng cao nhận thức cộng đồng	Người dân 12 thôn	Tổ chức tập huấn, tuyên truyền hoạt động về PCTT và thích ứng BĐKH cho cộng đồng	X		
	Nâng cao năng lực tự bảo vệ cho phụ nữ và trẻ em	65% phụ nữ chưa biết bơi 1084 trẻ em chưa biết bơi của 12 thôn	Tổ chức các lớp dạy bơi cho Phụ nữ và trẻ em chưa biết bơi tại xã		X	Nhà nước  Các tổ chức xã hội và dự án
Hạ tầng công cộng	Kiên cố hóa đường nội	Người trồng trọt 12 thôn	Bê tông hóa 42,5 km đường nội		X	Nhà nước

	đồng		đồng			và nhân dân
	Kiên cố hóa giao thông nông thôn	Người dân 12 thôn	Bê tông hóa 19,5 km đường nông thôn		X	Nhà nước và nhân dân
Công trình thủy lợi	Nâng cấp hệ thống thủy lợi, tưới tiêu	Người trồng trọt ở 12 thôn	-Tu sửa, nạo vét, khơi thông kênh mương  - Xây dựng kiên cố hệ thống thủy lợi đảm bảo tưới, tiêu	X		Người dân
				X	X	Nhà nước
Nhà ở	Nâng cao nhận thức về bảo vệ nhà  Kiên cố hóa nhà	Người dân 12 thôn	Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân về bảo vệ nhà trước mùa mưa bão	X		Các tổ chức xã hội
			Xây dựng nhà an toàn trước mưa bão	X		Người dân
			Vận động hỗ trợ xây dựng mới 16 ngôi nhà đang đơn sơ, thiếu kiên cố		X	Nhà nước, người dân và các nguồn khác
			-			Người dân
Nước sạch, vệ sinh và môi trường						
Y tế và quản lý dịch bệnh						
Giáo dục	Nâng cấp các phòng học an toàn	Học sinh 12 thôn	Tu sửa, nâng cấp 19 phòng học bán kiên cố của 3 trường Mầm non, Tiểu học		X	Nhà nước và xã hội hóa
Rừng	Nâng cao kiến thức, nhận thức về trồng, và chăm sóc rừng	Người trồng rừng ở các thôn	Tuyên truyền, tập huấn cho người trồng cây kiến thức cũng như nhận thức về trồng các loại	X		Nhà nước, các tổ chức xã hội

	Chuyển đổi giống cây trồng		cây, giải pháp phòng chống thiên tai bảo vệ cây  Nghiên cứu chuyển đổi giống cây phù hợp với thời tiết, thiên tai		X	Nhà nước, người dân
Trồng trọt	Chuyển đổi giống, cơ cấu cây trồng	Người trồng trọt ở các thôn	Nghiên cứu chuyển đổi giống cây trồng, điều chỉnh lịch thời vụ phù hợp với thời tiết cực đoan  - Chuyển đổi cơ cấu cây trồng		X	Nhà nước
					X	Nhà nước, người dân
Chăn nuôi	Thay đổi hình thức chăn nuôi  Nâng cao kiến thức về chăn nuôi cho phụ nữ	Người chăn nuôi 12 thôn	Chuyển đổi từ nuôi gia cầm thả rong sang nuôi nhốt, trang trại  Tập huấn kỹ thuật chăn nuôi cho phụ nữ	X	X	Người dân
					X	Các tổ chức xã hội
Thủy sản	- Nâng cao nhận thức, kỹ thuật nuôi trồng thủy sản  - Nâng cấp ao hồ  - Nâng cấp hệ thống lưới vây cá vụ 3	Người dân nuôi cá, ếch trong 12 thôn	-Tập huấn nâng cao kiến thức về nuôi thủy sản cũng như nhận thức về bảo vệ cá, ếch khi có thiên tai  - Nâng cao mặt đê ao, hồ  - Gia cố hệ thống lưới vây ruộng bảo vệ cá vụ 3	X		Các tổ chức xã hội
					X	Người dân
					X	Người dân
Du lịch						
Buôn bán nhỏ và ngành nghề dịch vụ khác						
Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	Hoàn thiện hệ thống truyền thanh	Người dân 12 thôn	- Thường xuyên tu sửa, nâng cấp hệ thống truyền thanh xã, thôn - Mua sắm máy phát điện dự phòng cho truyền thanh xã, thôn - Trang bị loa	X		Nhà nước  Nhà nước, hỗ trợ của



			cầm tay cho các thôn	X		các dự án
				X		
Phòng chống thiên tai và TUBĐKH	Nâng cao năng lực cho cán bộ PCTT xã, thôn	Cán bộ làm công tác PCTT xã, thôn, lực lượng cứu hộ	Tập huấn kiến thức về PCTT, BĐKH cho cán bộ xã, thôn và người dân	X		Nhà nước và sự hỗ trợ của các dự án
			Tập huấn về cứu hộ- sơ cấp cứu cho lực lượng cứu hộ xã, thôn	X		Nhà nước và sự hỗ trợ của các dự án
			Tổ chức diễn tập phòng chống thiên tai	X		Nhà nước
			Trang cấp các dụng cụ, phương tiện PCTT cho các thôn	X		Nhà nước và sự hỗ trợ của các dự án
Lĩnh vực Bình đẳng Giới (***)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường sự tham gia của nữ giới trong công tác quản lý rủi ro thiên tai</li> <li>- Nâng cao nhận thức về giới</li> <li>- Hỗ trợ các hộ gia đình phụ nữ là chủ hộ</li> <li>- Nâng cao năng lực tự bảo vệ cho phụ nữ và trẻ em gái trước lũ lụt</li> </ul>	Phụ nữ	Bổ sung phụ nữ vào các Ban PCTT các thôn	X		Nhà nước
			Tăng cường vai trò của phụ nữ trong các hoạt động quản lý thiên tai	X		Người dân ( nam và nữ)
		Nam và nữ	Tập huấn về Giới cho cán bộ xã, thôn và người dân ( cả nam và nữ)	X		Các tổ chức xã hội và hỗ trợ của các dự án
			Phụ nữ là chủ hộ	X		Các tổ chức xã hội
		539 trẻ em gái từ 5-18 tuổi chưa biết bơi tại xã	Tổ chức lớp dạy bơi cho phụ nữ và trẻ em gái trên địa bàn xã		X	Nhà nước, các tổ chức xã hội
<b>Lưu ý khác</b>						

**Hướng dẫn điền:**

(\*) Dựa trên kết quả của bảng D1. Không nhất thiết phải đưa vào báo cáo nếu không phải là vấn đề ưu tiên của cộng đồng

(\*\*) Cho cả khía cạnh vật chất, tổ chức thể chế xã hội và nhận thức kinh nghiệm

(\*\*\*) Bắt buộc phải đưa vào phân tích

(\*\*\*\*) Tóm tắt các đề xuất đối với các cấp có thẩm quyền và các bên liên quan để có sự hỗ trợ và hợp tác cụ thể

**3. Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã**

Các số liệu trong báo cáo sau khi được góp ý, chỉnh sửa hoàn chỉnh đã sát đúng với thực tế địa phương

Các giải pháp phòng ngừa, ứng phó với các tác động của các hiện tượng thời tiết cực đoan, thích ứng với biến đổi khí hậu phù hợp với địa phương

Địa phương cũng đang nghiên cứu để chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với thổ nhưỡng địa phương và thích ứng với thời tiết, khí hậu. Trước mắt chuyển đổi 6,2 ha đất trồng tràm dễ gãy đổ do thiên tai sang trồng dừa thương phẩm.

**Xác nhận tiếp nhận kết quả đánh giá rủi ro thiên tai của xã**  
**TM UBND Xã**  
**(đã ký)**

**E. Phụ lục**

**1. Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá**

TT	Họ tên (Nam/Nữ)	Đơn vị	Số điện thoại
1	Dương Đức Tài	UBND Xã	
2	Lê Thuận Sơn	UBND Xã	0912994332
3	Dương Công Hùng	UBND Xã	0941377567
4	Dương Đăng Đua	UBND Xã	01668678229
5	Phan Thị Mẫu	UBND Xã	01276135599
6	Dương Thị Cúc	UBND Xã	0913531182
7	Dương Thị Dịu	UBND Xã	0964724309
8	Nguyễn Văn Năm	UBND Xã	0982959247
9	Dương Hữu Thận	UBND Xã	01683094279
10	Lê Văn Hoan	UBND Xã	01655381467

**2. Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn**

**LỊCH SỬ THIÊN TAI**

Năm/Tháng	Thiên Tai	Đặc điểm, xu hướng	Khu vực chịu thiệt hại	Thiệt hại gì	Tại sao bị thiệt hại	Đã làm gì để giảm nhẹ
10/2013	Bão	Gió mạnh	Toàn xã	45 Nhà bị tốc mái (Tân Truyền 10 nhà, Tân Thịnh 3 nhà, Tân lộc 10 nhà, Tân lý 5 nhà Tân Lực 17 nhà)  Rừng cao su gãy đổ 13 ha ( Tân Đa 2, Tân Lực 1, Tân Lộc 2, Tân Truyền 2, Tân Bằng 2, Tân	Do người dân còn chủ quan  Công tác chăm chống chưa đảm bảo	Đã thông báo về bão  Kiểm tra chăm chống ở từng hộ  Di dời người dân tới nơi kiên cố, an toàn

				Thái 2, Tân Ly 2)		
10/2016	Lũ	Nước dâng cao	Toàn xã	Nhà ngập 1400 nhà gia cầm chết 12500 con toàn xã Lợn chết 250 con Cá vụ 3 thiệt hại 100 ha Cá ao hồ 84 ha Ếch giống thiệt hại 10 vạn con	Do đường được xây cao dẫn tới vị trí nhà ở thấp hơn mặt đường gây ngập lụt	Thông báo nước lũ cho người dân chủ động phòng chống.  Sơ tán người và tài sản tới nơi an toàn  Thực hiện cứu nạn, cứu hộ
9/2017	Lũ	Gió to, mạnh	Toàn xã	Rừng( keo tram, thông, cao su) gãy đổ	Chưa tới tuổi khai thác  Do người dân vì lợi nhuận nên lựa chọn giống cây có rủi ro cao  Không đảm bảo quy trình khai thác	Chuyển đổi giống cây thích ứng với điều kiện địa phương
9/2013	Lũ	Lũ lịch sử	Tân Hòa, Tân Hạ, Tân Linh, Tân Lạc, Tân Bằng	Cá 60ha(cá vụ 3), 36 ha cá ao hồ bị trôi/chết Gia cầm 1 vạn con Gia súc 2.500 con Lúa 15 tấn Ếch 15 vạn con)	Lũ diễn ra vào ban đêm  Do người dân còn chủ quan  Nước lên bất ngờ  Không có sàן chống lũ	Tuyên truyền, cảnh báo kịp thời  Sơ tán người dân tới nơi an toàn  Dọn dẹp sau thiên tai trong đó có 6 nữ tham gia
2017	Bão	Giật cấp 11-12	Toàn xã	1 người bị thương ( nữ) 60 nhà tốc mái Rừng thông 40 ha Tràm 100 ha, gia súc 50 con Gia cầm 15 nghìn con Cá vụ 3 60 ha 298 ha cây rừng gãy đổ trên địa bàn	Do chủ quan, bão đổ bộ vào ban đêm gió mạnh  Chằng chống không đúng cách  Chuồng trại tạm bợ	30% hộ dân đào hầm trú bão  Sơ tán dân tới điểm trú sở hành chính  Người dân chủ động sơ tán tới các nhà kiên cố

				7 thôn ( Tân Đa, Tân Lộc, Tân Lực, Tân truyền, Tân Ly, Tân Bằng, Tân Thái, Tân Hà, Tân Thịnh, Tân Lạc)		
2013	Lốc	Nhanh và bất ngờ	Tân Lực, Tân Lộc	20 nhà tốc mái ( Tân Lộc 10, Tân Lực 10) Cây gãy đổ	Nhà yếu, nhà bán kiên cố	
2011	Rét	Rét đậm, rét hại	Toàn xã	Lúa mới gieo thiệt hại 70 ha	Lúa mới gieo trồng ở khu vực chịu ảnh hưởng của rét Giống lúa không chịu được rét	Bón tro, ngâm nước
6/2016	Hạn	Kéo dài	Toàn xã	Lúa thiệt hại 120 ha Cá hồ chết	Hồ chứa cạn nước, hệ thống thủy lợi chưa đảm bảo	Dùng bơm bơm nước cứu lúa

**TỔNG HỢP RỦI RO THIÊN TAI XÃ TÂN THỦY**

Thiên tai	Xu hướng	Tình trạng dễ bị tổn thương	Năng lực phòng, chống thiên tai	Rủi ro
Lụt	Tăng lên những năm sau này	<p><b>AN TOÀN CỘNG ĐỒNG</b></p> <p>- Có 3.777 người trong 943 nhà trong ở vùng thường ngập lụt (Tân Đa 192 người, 60 nhà, Tân Lộc 130 người, 40 nhà, Tân Truyền 170 người, 55 nhà, Tân Thịnh 190 người, 55 nhà, Tân Ly 195 người, 60 nhà, Tân Bằng 180 người, 55 nhà, Tân Thái 230 người, 70 nhà, Tân Ninh 880 người, 200 nhà, Tân Lạc 470 người, 80 nhà, Tân Hòa 780 người, 188 nhà, Tân Hạ 360 người, 80 nhà)</p> <p>- Có 1221 đối tượng dễ bị tổn thương</p> <p>(Tân Đa 165, Tân Lộc 160, Tân Truyền 90, Tân Thịnh 95, Tân Ly 50, Tân Bằng 60, Tân Thái 80, Tân Ninh 130, Tân Lạc 115, Tân Hòa 180, Tân Hạ 96)</p> <p>- 280 phụ nữ làm chủ hộ (Tân Đa 21, Tân Lộc 23, Tân Truyền 6, Tân Thịnh 70, Tân Ly 10, Tân Bằng 23, Tân Thái 22, Tân Ninh 34, Tân Lạc 13, Tân Hòa 27, Tân Hạ 15)</p> <p>- 55% người không biết bơi</p>	<p><b>AN TOÀN CỘNG ĐỒNG</b></p> <p>- Có 54 nhà cao tầng ; những nhà này có thể làm nơi sơ tán trong cộng đồng (Tân Bằng 3, Tân Thái 3, Tân Lạc 4, Tân Ninh 8, Tân Hạ 5, Tân Hòa 6, Tân Đa 5, Tân Lộc 6, Tân Truyền 4, Tân Thịnh 6 Tân Ly 4 )</p> <p>- Có 14 điểm sơ tán lụt ở xã cũng như ở các thôn (Tân Bằng 2, Tân Thái 1, Tân Lạc 2, Tân Ninh 1, Tân Hạ 1, Tân Hòa 1, Tân Đa 1 Tân Lộc 1 Tân Truyền 1 Tân Thịnh 1 Tân Ly 1 )</p> <p>- Có 14 hộ gia đình có ghe, thuyền có thể đi lại trong khi có lũ lụt (Tân Ninh 6, Tân Hạ 5, Tân Hòa 3)</p> <p>- Có 54 hộ gia đình có trang bị áo phao, phao cứu sinh trong nhà (Tân Bằng 5, Tân Thái 9, Tân Lạc 10, Tân Ninh 12, Tân Hạ 3, Tân Hòa 15)</p> <p>Các thôn có ban PCTT thôn, có lực lượng cứu hộ thôn</p> <p>- Có 80% gia đình có kiến thức, kinh nghiệm trong việc phòng, chống thiên tai</p>	Nhà ngập

	<p>- 95% trẻ em từ 5-18 tuổi chưa biết bơi</p> <p>- 13,6 km đường đi lại trong các thôn là đường đất khó đi (Tân Đa 0,8, Tân Lộc 1,5, Tân Truyền 1, Tân Thịnh 0,7, Tân Lý 0,4, Tân Bằng 2,7, Tân Thái 1,2, Tân Ninh 1, Tân Lạc 1, Tân Hòa 2,2, Tân Hạ 1,1)</p> <p>- 1 cơ sở hạ tầng chưa kiên cố (nhà văn hóa Tân Thái)</p> <p>- 20% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai</p> <p><b>SẢN XUẤT/ KINH DOANH</b></p> <p>898,8 ha đất trồng lúa ở vùng thường xuyên bị ngập sâu (Tân Đa 62,4, Tân Lộc 55,4, Tân Lực 60,2, Tân Truyền 58, Tân Thịnh 71, Tân Lý 47,4, Tân Bằng 38, Tân Thái 56, Tân Ninh 129,6, Tân Lạc 81,6, Tân Hòa 179,2, Tân Hạ 60)</p> <p>32 ha đất trồng rau màu ở vùng thường xuyên bị ngập sâu (Tân Đa 2, Tân Lộc 2, Tân Lực 1,2, Tân Truyền 3, Tân Thịnh 3, Tân Lý 6, Tân Bằng 5,5, Tân Thái 1,8, Tân Ninh 1,2, Tân Lạc 2, Tân Hòa 2,3, Tân Hạ 2)</p> <p>Không có tổ hợp tác để chỉ đạo sản xuất</p> <p>- Có 10% người dân chưa được trang bị, áp dụng KHKT kỹ thuật vào trồng trọt</p> <p>- Có 27,2 km kênh mương thủy lợi chưa kiên cố</p> <p>- Có 8 cống thủy lợi chưa được kiên cố</p> <p>- 42,5 km đường nội đồng chưa kiên cố</p> <p>Có 590 con trâu/bò nuôi trong vùng ngập lụt (Tân Đa 47, Tân Lộc 36, Tân Lực 0, Tân Truyền 29, Tân Thịnh 143, Tân Lý 70, Tân Bằng 13, Tân Thái 50, Tân Ninh 40, Tân Lạc 40, Tân Hòa 88, Tân Hạ 34)</p> <p>Có 2.340 con lợn được nuôi trong vùng lụt (Tân Đa 80, Tân Lộc 60, Tân Lực 0, Tân Truyền 140, Tân Thịnh 240, Tân Lý 200, Tân Bằng 180, Tân Thái 120, Tân Ninh 460, Tân Lạc 210, Tân Hòa 530, Tân Hạ 120) 20% hộ</p>	<p>- 30,5 km đường đi lại trong các thôn đã được bê tông hóa (Tân Đa 4, Tân Lộc 5,5, Tân Truyền 3, Tân Thịnh 2,5, Tân Lý 0,6, Tân Bằng 1,3, Tân Thái 1,8, Tân Ninh 4,4, Tân Lạc 3, Tân Hòa 3,2, Tân Hạ 1,2)</p> <p>- Có 95% gia đình chủ động trong bảo vệ nhà cửa, kê cất tài sản</p> <p>- 90% gia đình chủ động dự trữ đủ lương thực trước mùa mưa bão</p> <p><b>SẢN XUẤT/ KINH DOANH</b></p> <p>- Có 1890 người tham gia trồng trọt (nam 952, nữ 738) ( Tân Bằng50, Tân Thái80, Tân Lạc200, Tân Ninh400, Tân Hạ100, Tân Hòa350, Tân Đa 100 Tân Lộc 100 Tân Lực 80 Tân Truyền 120 Tân Thịnh 180 Tân Lý 60)</p> <p>Có 7 máy cày (Tân Ninh 1 Tân Hòa1 Tân Truyền 2 Tân Thịnh 2 Tân Lý 1)</p> <p>- Có 1 máy gặt, (,Tân Ninh1,)</p> <p>- Có 102 máy bơm nước( Tân Lộc 1, Tân Thịnh 1 Tân Bằng 5, Tân Thái 7, Tân Lạc 8, Tân Ninh 30, Tân Hạ 10, Tân Hòa 40</p> <p>- Có 90% người dân được trang bị, áp dụng KHKT kỹ thuật vào trồng</p> <p>- Có 27,9 km kênh mương thủy lợi đã được kiên cố</p> <p>- Có 126 cống thủy lợi đã được kiên cố</p> <p>- Có 4 trạm bơm (Tân Lạc 1 Tân Hòa1, Tân Lộc 1 Tân Thịnh 1)</p> <p>- Có 90% hộ nuôi trâu/bò có chuồng trại ở an toàn, 100% hộ khi lụt đưa trâu/bò lên cao</p> <p>80% hộ nuôi lợn có chuồng trại an toàn</p>	<p><b>Thiệt hại về người</b></p> <p><b>Lúa hư (Lụt)</b></p>
--	---	--	---

	<p>có chuồng lợn thấp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 20 con dê nuôi trong vùng thường ngập lụt ( Tân Đa 20.)</li> <li>- Có 2 con hươu nuôi trong vùng thường ngập lụt ( Tân Lực 2 )</li> </ul> <p>Có 29.420 con gia cầm nuôi trong vùng ngập lụt (Tân Đa 2.800, Tân Lộc 1600 , Tân Lực 0, Tân Truyền 1500, Tân Thịnh 2675, Tân Lý 2100 , Tân Bằng 2000 , Tân Thái 1900, Tân Ninh 6900, Tân Lạc 2000 , Tân Hòa 5105 , Tân Hạ 840). 30% hộ nuôi gà vịt thả rong không nhốt chuồng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 85 ha hồ nuôi cá ở vùng thường ngập (Tân Đa 5, Tân Lộc 7,2 , Tân Lực 5, Tân Truyền 6, Tân Thịnh 7, Tân Lý 8,3 , Tân Bằng 8 , Tân Thái 7,1, Tân Ninh 6,4, Tân Lạc 8 , Tân Hòa 9 , Tân Hạ 8)</li> <li>- Có 161,1 ha ruộng nuôi cá vụ 3 ở vùng thường ngập (Tân Đa 3,5, Tân Lộc 9 , Tân Lực 9,6, Tân Truyền 15,8, Tân Thịnh 18,5, Tân Lý 22,1 , Tân Bằng 18,6 , Tân Thái 11, Tân Ninh 21,1, Tân Lạc 18,8 , Tân Hòa 7 , Tân Hạ 6,1)</li> <li>- Có 16,65 ha hồ nuôi ếch ở vùng thường ngập (Tân Lộc 0,35, Tân Truyền 0,3, Tân Thịnh 1,35, Tân Lý 3,95 , Tân Bằng 1,7 , Tân Thái 1,1, Tân Ninh 3,5, Tân Lạc 0,5, Tân Hòa 0,9 , Tân Hạ 3)</li> <li>- Có 30% người dân chưa được trang bị kiến thức về chăn nuôi (trong đó nữ chiếm 20%)</li> </ul> <p>Có 87 hộ buôn bán cơ sở mua bán, dịch vụ chưa được kiên cố (Tân Bằng 2, Tân Thái 2, Tân Lạc 4, Tân Ninh 4, Tân Hạ 2, Tân Hòa 4, Tân Đa 8, Tân Lộc 10, Tân Truyền 8, Tân Thịnh 13, Tân Lý 18)</p> <p><b>VỆ SINH MÔI TRƯỜNG</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-80% hộ không có tủ thuốc gia đình để dự trữ thuốc, dụng cụ y tế cần thiết trong gia đình</li> <li>- Có 37 hộ không có hố xí (Tân Đa 2, Tân Lộc 5 , Tân Lực 4, Tân Truyền 4, Tân Thịnh 4, Tân Lý 1 , Tân Bằng 3 , Tân Thái 4, Tân Ninh 4, Tân Lạc 3 , Tân Hòa 1 , Tân Hạ 2)</li> </ul>	<p>70% hộ nuôi gia cầm nhốt chuồng</p> <p>Có 15 trang trại chăn nuôi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 65ha hồ nuôi cá có mặt đê cao an toàn</li> <li>- Có 830 người nuôi cá</li> </ul> <p>Các hộ nuôi thủy sản có kinh nghiệm trong nuôi trồng và ứng phó thiên tai,</p> <p><b>Đường nội đồng hư hỏng</b></p> <p>Có 4 trại giống ếch</p> <p>Có 70 % người dân có kiến thức và áp dụng KHKT vào chăn nuôi, trong đó nữ chiếm 80%)</p> <p>Các hộ tư nhân buôn bán có kinh nghiệm bảo vệ hàng hóa khi có lụt</p> <p><b>VỆ SINH MÔI TRƯỜNG</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 20% hộ có tủ thuốc gia đình để dự trữ thuốc, dụng cụ y tế cần thiết trong gia đình</li> <li>- 100% hộ sử dụng nước hợp vệ sinh</li> <li>- Có 1.506 hộ sử dụng hố xí hợp vệ sinh (Tân Đa 133, Tân Lộc 114 , Tân Lực 90, Tân Truyền 108, Tân Thịnh 175, Tân Lý 80 , Tân Bằng 108 , Tân Thái 92, Tân Ninh 204, Tân Lạc 117 , Tân Hòa 197 , Tân Hạ 88)</li> <li>- Có 12 tổ thu gom rác ở 12 thôn</li> </ul> <p>Hàng tháng xã phát động 2 ngày nông thôn</p>	<p><b>Hoa màu hư(lụt)</b></p> <p><b>Hồng kênh mương</b></p> <p><b>Đường nội đồng hư hỏng</b></p> <p><b>Trâu, bò chết</b></p> <p><b>Heo trôi/chết</b></p>
--	---	--	--





				<p>ước</p> <p>Ô nhiễm môi trường</p>
<p><b>Bão và Lốc</b></p>		<p><b>AN TOÀN CỘNG ĐỒNG</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường Mầm Non có 3 phòng học chưa kiên cố (Thôn Tân Lạc)</li> <li>- Trường mầm non có 5 phòng học chưa kiên cố (Thôn Tân Lộc)</li> <li>- Trường tiểu học số 2 có 3 phòng học chưa kiên cố (Thôn Tân Lộc)</li> <li>- Trường Tiểu học số 1 có 8 phòng học chưa kiên cố (Thôn Tân Ninh)</li> <li>- 12 Nhà văn hóa thôn bán kiên cố</li> </ul> <p>Có 1.545 hộ, 6.503 người ở trong vùng bão tác động (Tân Đa 135 hộ, 570 người, Tân Lộc 119 hộ, 520 người, Tân Lực 94 hộ, 435 người, Tân Truyền 112 hộ, 520 người, Tân Thịnh 179 hộ, 680 người, Tân Lý 81 hộ, 315 người, Tân Bằng 111 hộ, 433 người, Tân Thái 96 hộ, 406 người, Tân Ninh 208 hộ, 900 người, Tân Lạc 120 hộ, 495 người, Tân Hòa 198 hộ 829 người, Tân Hạ 90 hộ, 400 người)</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà đơn sơ : 3 nhà (Tân Lộc 1, Tân Thịnh 1, Tân Lý 1)</li> <li>+ Số người ở trong nhà đơn sơ là 9 người (Tân Lộc 4, Tân Thịnh 4, Tân Lý 1)</li> <li>- Nhà thiếu kiên cố: 13 nhà (Tân Bằng 1, Tân</li> </ul>	<p><b>AN TOÀN CỘNG ĐỒNG</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường Mầm Non có 14 phòng học kiên cố (Thôn Tân Lạc)</li> <li>- Trường Tiểu học số 1 có 14 phòng học kiên cố</li> <li>- Trường Tiểu học số 2 có 17 phòng học kiên cố (Thôn Tân Lộc)</li> <li>- Trường THCS có 28 phòng học kiên cố (Thôn Tân Bằng)</li> <li>- Trạm Y tế có mấy 8 phòng kiên cố (thôn Tân Bằng)</li> <li>- Nhà kiên cố : 350 (Tân Bằng 24, Tân Thái 17, Tân Lạc 30, Tân Ninh 48, Tân Hạ 16, Tân Hòa 46 Tân Đa 31, Tân Lộc 31, Tân Lực 25, Tân Truyền 29, Tân Thịnh 43, Tân Lý 10)</li> <li>- Có 16 điểm sơ tán tập trung (Tân Bằng 2, Tân Thái 1, Tân Lạc 2, Tân Ninh 1, Tân Hạ 1, Tân Hòa 2, Tân Đa 1 Tân Lộc 2 Tân Lực 1 Tân Truyền 1 Tân Thịnh 1 Tân Lý 1)</li> <li>- Hệ thống điện phủ khắp các thôn, xóm, gồm 4 trạm biến áp ở các thôn, tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 100% (Toàn xã)</li> </ul>	<p><b>Trường hư hại</b></p> <p><b>NVH hư hại</b></p>

	<p>Thái 1 Tân Lạc 1, Tân Ninh 3, Tân Đa 1, Tân Lộc 1 Tân Lực 1 Tân Truyền 1 Tân Thịnh 2, Tân Lý 1)</p> <p>+ Số người ở trong nhà thiếu kiên cố là 46 người (Tân Bằng 4, Tân Thái 4, Tân Lạc 4 Tân Ninh 12, Tân Đa 4, Tân Lộc 3 Tân Lực 3, Tân Truyền 3 Tân Thịnh 6, Tân Lý 3)</p> <p>- Nhà bán kiên cố: 1177 nhà (Tân Bằng 86, Tân Thái 78 Tân Lạc 89, Tân Ninh 157, Tân Hạ 74, Tân Hòa 152, Tân Đa 103 Tân Lộc 86 Tân Lực 68 Tân Truyền 82 Tân Thịnh 133 Tân Lý 69)</p> <p>+ Số người ở trong nhà bán kiên cố là 3.669 người (Tân Bằng 244, Tân Thái 241, Tân Lạc 286, Tân Ninh 478, Tân Hạ 222, Tân Hòa 470, Tân Đa 309, Tân Lộc 258 Tân Lực 273, Tân Truyền 267, Tân Thịnh 405 Tân Lý 216)</p> <p>- Có 5% hộ chưa có các phương tiện nghe nhìn (Toàn xã)</p> <p>- Có 3% người dân không nghe được các thông tin cảnh báo bão, lũ từ loa truyền thanh xã/thôn (Toàn xã)</p> <p>- 25% người dân chưa có kiến thức về phòng chống bão (Toàn xã do trình độ của người dân còn hạn chế)</p> <p>- Có 5% hộ gia đình chưa chủ động chằng chống nhà cửa (Ttoàn xã)</p> <p><b>SẢN XUẤT KINH DOANH</b></p> <p>Có 89 hộ buôn bán cơ sở mua bán, dịch vụ chưa được kiên cố (Tân Bằng 2, Tân Thái 2, Tân Lạc 4, Tân Ninh 4, Tân Hạ 2, Tân Hòa 4, Tân Đa 8, Tân Lộc 10, Tân Lực 8, Tân Truyền 8, Tân Thịnh 13, Tân Lý 18)</p> <p>- Có 9 ha đất trồng tiêu ở trong vùng tác động trực tiếp của gió bão ( Tân Đa 3, Tân Lộc 2, Tân Lực 2, Tân Truyền 2)</p> <p>- Có 6 ha đất trồng cao su ở trong vùng tác động trực tiếp của gió bão (Tân Đa 1,5, Tân Lộc 2, Tân Lực 1, Tân Truyền 1, Tân Lý 0,2, Tân Bằng 0,2, Tân Thái 0,1,)</p> <p>- Có 615 ha đất trồng keo/tràm ở trong vùng tác động trực tiếp của gió bão (Tân Đa 145, Tân Lộc 118, Tân Lực 120, Tân Truyền 130, Tân Thịnh 6, Tân Lý 29, Tân Bằng 14, Tân Thái 27, Tân Ninh 5, Tân Lạc 6, Tân Hòa 5, Tân Hạ 10)</p>	<p>- Có 95% hộ có các phương tiện nghe nhìn để theo dõi các thông tin cảnh báo bão, lũ ( Toàn xã)</p> <p>- Có 97% người dân nghe được các thông tin cảnh báo bão, lũ từ loa truyền thanh xã/thôn (Toàn xã)</p> <p>75% người dân có kiến thức, kinh nghiệm về phòng chống bão (Toàn xã)</p> <p>- Có 95% hộ gia đình chủ động chằng chống nhà cửa (T Toàn xã)</p> <p><b>SẢN XUẤT KINH DOANH</b></p> <p>- Có 6 hộ buôn bán cơ sở mua bán kiên cố ( Tân Đa 1, Tân Lộc 1, Tân Lực 1, Tân Truyền 1, Tân Thịnh 1, Tân Lý 1)</p> <p>- Có 1xưởng may có cơ sở sản xuất kiên cố ( Tân Bằng, Tân Thái, Tân Lạc, Tân Ninh, Tân Hạ, Tân Hòa)</p> <p>-</p>	<p><b>Nhà sập tốc mái</b></p> <p><b>Thiệt hại về người</b></p>
--	--	--	--

				<p><b>Cơ sở kinh doanh hư hại</b></p> <p><b>Tiêu gãy/ đổ</b></p> <p><b>Cao su gãy đổ</b></p> <p><b>Cây rừng gãy đổ</b></p>
<b>Mưa thay đổi (mưa nhiều)</b>		<p><b>SẢN XUẤT/KINH DOANH</b></p> <p>84,1 ha đất trồng khoai, sản ở vùng thường xuyên bị mưa làm ngập (Tân Đa 6, 2 , Tân Lộc 15,2 , Tân Lực 5,8, Tân Truyền 15, Tân Thịnh 3 , Tân Lý 4,5 , Tân Bằng 2,5, Tân Thái 3,4, Tân Ninh 4, Tân Lạc 5, Tân Hòa 12,5 , Tân Hạ 7)</p>	<p><b>SẢN XUẤT/KINH DOANH</b></p> <p>Một số hộ có kinh nghiệm chống úng, bằng cách thu hoạch sớm</p>	<b>Khoai /sản hư</b>
<b>Rét</b>		<p><b>SẢN XUẤT/ KINH DOANH</b></p> <p>898,8 ha đất trồng lúa ở vùng thường xuyên bị tác động của rét (Tân Đa 62,4 , Tân Lộc 55,4 , Tân Lực 60,2, Tân Truyền 58, Tân Thịnh 71 , Tân Lý 47,4 , Tân Bằng 38, Tân Thái 56, Tân Ninh 129,6, Tân Lạc 81,6 , Tân Hòa 179,2 , Tân</p>	<p><b>SẢN XUẤT /KINH DOANH</b></p> <p>50% người dân có kinh nghiệm trong việc phòng, chống rét cho cây lúa</p>	<b>Lúa chết( Rét)</b>

		Hạ 60) Có 590 con trâu/bò nuôi trong vùng tác động của rét (Tân Đa 47, Tân Lộc 36, Tân Lực 0, Tân Truyền 29, Tân Thịnh 143, Tân Lý 70, Tân Bằng 13, Tân Thái 50, Tân Ninh 40, Tân Lạc 40, Tân Hòa 88, Tân Hạ 34)	95% hộ có chuồng trại kín, an toàn. 80% người dân áp dụng các biện pháp dân gian để chống rét	<b>Trâu bò chết</b>
<b>Hạn</b>		<b>SẢN XUẤT/ KINH DOANH</b>  74 ha đất trồng lúa ở vùng thường xuyên bị thiếu nước (Tân Lộc 3, Tân Thịnh 15, Tân Lý 13, Tân Bằng 5, Tân Thái 5, Tân Ninh 15, Tân Lạc 11, Tân Hạ 7)  7 ha đất trồng tiêu ở vùng thường xuyên bị thiếu nước (Tân Đa 2 Tân Lộc 2 Tân Lực 2 Tân Truyền 1)	<b>SẢN XUẤT/ KINH DOANH</b>  - Có 3 máy bơm nước (Tân Đa 1, Tân Thịnh 1, Tân Ninh1)  - Có 2 máy bơm điện dã chiến của huyện, khi thiếu nước được đưa về để tưới cho lúa  - Có 100 hộ có máy bơm nước để tưới cho tiêu.( Tân Đa 25 Tân Lộc 25 Tân Lực 25, Tân Truyền 25)	<b>Lúa chết ( Hạn)</b>  <b>Tiêu chết</b>

### 3. Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá









**F. Một số kiến thức tham khảo chung về Đánh giá rủi ro thiên tai <sup>1</sup>**

**1. Khái niệm**

Đánh giá rủi ro là “Một phương pháp xác định bản chất và mức độ rủi ro bằng cách phân tích các thiên tai có thể xảy ra và đánh giá các điều kiện hiện tại của tình trạng dễ bị tổn thương mà có thể gây hại cho con người, tài sản, các dịch vụ, các hoạt động sinh kế và môi trường trong khu vực nguy hiểm.” (UNISDR, 2009 và dự thảo Thuật ngữ 2016).

**Giới thiệu Nội dung cơ bản trong đánh giá rủi ro thiên tai, khí hậu**

**A. Các loại hình thiên tai phổ biến và tần suất, cường độ**



- Dạng và loại hình thiên tai, thời tiết cực đoan tại xã
- Các đặc điểm trong quá khứ, tần suất và cường độ thiên tai xảy ra
- Xu hướng biến đổi khí hậu và thiên tai trong tương lai của xã

**B. Người dân, cơ sở vật chất và sinh kế trong các vùng thiên tai của xã (Exposures)**



- Phân bố dân cư và cơ sở vật chất, sinh kế của xã theo không gian/địa bàn thiên tai

**C. Tình trạng dễ tổn thương và năng lực của người dân, cơ sở vật chất và sinh kế**



- Hiện trạng và đặc điểm dân cư, cơ sở vật chất và sinh kế
- Nguyên nhân, năng lực, điểm mạnh yếu của dân cư, cơ sở vật chất, và sinh kế tại các vùng thiên tai trong xã

**D. Mức độ Rủi ro với thiên tai và khí hậu của người dân, cơ sở vật chất và sinh kế tại xã**



- Đánh giá, phân lớp các rủi ro thiên tai khí hậu và mức độ rủi ro cho từng ngành/lĩnh vực theo nhu cầu
- Có thể bản đồ hóa các lớp thông tin đánh giá dựa trên kết quả của xã

Việc đánh giá rủi ro thiên tai<sup>2</sup> bao gồm nhận định và phân tích các nội dung liên quan đến:

- i. nhận định đặc điểm của các hiện tượng thiên tai như vị trí, tần suất, cấp độ, cường độ và xác suất xảy ra;

<sup>1</sup> Nguồn tham khảo: Dự thảo hướng dẫn của UNDP-Bộ NN&PTNT – Tài liệu kỹ thuật về Quản lý rủi ro thiên tai và Thích ứng với Biến đổi khí hậu)

<sup>2</sup> Các hoạt động này cũng còn được gọi là quá trình phân tích rủi ro (Dự thảo Sổ tay thuật ngữ về rủi ro thiên tai, 2016)

- ii. phân tích mức độ bị phơi bày của người và sự vật với các hiện tượng thiên tai;
- iii. phân tích điều kiện dễ bị tổn thương của người và sự vật với các hiện tượng thiên tai đó ở mọi góc độ xã hội, y tế, kinh tế, môi trường;
- iv. đánh giá hiệu quả năng lực sẵn có hoặc các năng lực thay thế (dự phòng) để có thể đối phó với các tình huống thiên tai khác nhau<sup>3</sup> ;

Việc đưa ra định nghĩa hay khái niệm về đánh giá rủi ro thiên tai chỉ mang tính tương đối và còn chưa hoàn toàn nhất quán về cách tiếp cận và phương pháp<sup>4</sup>. Bản thân công tác quản lý rủi ro thiên tai cũng còn khá mới so với các lĩnh vực phát triển khác trên toàn cầu (khoảng từ đầu những năm 1990). Tại các quốc gia, việc quản lý rủi ro thiên tai trong những thập kỷ trước kia đa phần tập trung nhiều vào các công tác ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai hơn là coi đây là một mặt của vấn đề phát triển.

Đánh giá rủi ro thiên tai có thể được thực hiện ở các quy mô khác nhau (toàn cầu, quốc gia, tỉnh, thành phố/thị trấn, huyện, xã, thôn) và có thể được thực hiện cho các lĩnh vực khác nhau.

## 2. Nội dung đánh giá

Có bốn nội dung đánh giá rủi ro phải đề cập tới, đó là:

**Đánh giá Thiên tai**<sup>5</sup>: nhận biết những thiên tai nào gây ảnh hưởng tới cộng đồng, mô tả bản chất và diễn biến của mỗi thiên tai trên khía cạnh tần suất, cường độ, xuất hiện theo mùa, vị trí, dấu hiệu cảnh báo, khả năng cảnh báo sớm và hiểu biết chung của mọi người về thiên tai.

Về bản chất, thiên tai có thể chia làm hai loại: (i) các hiện tượng thiên tai tự nhiên như lũ, bão, hạn hán và động đất có khả năng gây ra các ảnh hưởng tiêu cực đến người và tài sản; và các hiện tượng thiên tai do các quy trình quá trình hoạt động sản xuất của con người gây ra như quá trình đô thị hóa, suy thoái môi trường, biến đổi khí hậu, v.v. Các quy trình/quá trình này hiện nay ngày càng diễn biến phức tạp và khó tách biệt về mặt bản chất của hiện tượng là do tự nhiên hay con người gây ra.

Thiên tai khác nhau về mức độ, quy mô, tần suất và thường được phân loại theo các nguyên nhân gây ra thiên tai khác nhau như địa lý, thủy văn, khí tượng và khí hậu.

Các kiến thức về thiên tai thường có thể thu thập từ các nguồn như:

- Các kinh nghiệm truyền thống, bản địa và kiến thức địa phương
- Các báo cáo nghiên cứu đánh giá khoa học kỹ thuật
- Các báo cáo theo dõi giám sát về dịch vụ khí tượng thủy văn
- Các mô hình khí tượng thủy văn, mô hình phân loại phân vùng thiên tai.

**Đánh giá mức độ phơi bày trước thiên tai (Exposure)**: nhận biết mức độ hiện diện của con người và tài sản (như sinh kế, các dịch vụ môi trường và các nguồn tài nguyên, cơ sở hạ tầng, các tài sản kinh tế, xã hội và văn hóa v.v.) (chính sửa từ SREX, Chương 2).

Các kiến thức về mức độ phơi bày thường có thể thu thập từ các kết quả điều tra dân số, ảnh vệ tinh, dữ liệu GIS, các báo cáo quy hoạch kế hoạch và các kinh nghiệm lịch sử về các sự kiện thiên tai. v.v. Các thông tin này thường được thể hiện dưới dạng bản đồ, bao gồm:

- Bản đồ phân bố theo không gian (địa phương, vùng.v.v) và thời gian (ngày/tháng/năm) về người và cơ sở hạ tầng, ví dụ: bản đồ hệ sinh thái, cơ sở hạ tầng, bản đồ sử dụng đất, bản đồ hành chính và dân số, v.v.
- Bản đồ phân vùng thiên tai lũ, bão, hạn hán v.v. theo không gian và thời gian

Mức độ phơi bày trước thiên tai chỉ là một điều kiện cần nhưng không phải là đủ để quyết định khả năng chịu rủi ro thiên tai. Quy mô về tần suất, thời gian và không gian phơi bày trước thiên tai cũng rất quan trọng. Cùng sinh sống tại vùng lũ lụt, nhưng khả năng rủi ro với hộ dân ở vùng cao và vùng trũng là khác nhau hay nói cách khác, mức độ chịu ảnh hưởng

<sup>3</sup> Trong nhiều trường hợp, người ta coi năng lực là điều kiện đối ngược của tình trạng dễ bị tổn thương. Vì vậy, trên thực tế có nhiều phương pháp đánh giá không tách biệt đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương ra khỏi việc phân tích đánh giá năng lực.

<sup>4</sup> Hiện nay UNISDR đang tiến hành tổng hợp sổ tay thuật ngữ mới trong công tác giảm rủi ro thiên tai ([http://www.preventionweb.net/files/47136\\_workingtextonterminology.pdf](http://www.preventionweb.net/files/47136_workingtextonterminology.pdf)). Việc đưa ra định nghĩa về đánh giá rủi ro thiên tai về bản chất chỉ mang tính tương đối. Dựa vào mục đích đánh giá khác nhau, việc đánh giá RRTT sẽ có cách tiếp cận và phương pháp khác nhau chứ không cố định ở một số quy tắc nhất định.

<sup>5</sup> Trong bài viết tác giả dùng từ Hiểm họa – Hazard, là một khái niệm dành cho các nhà nghiên cứu, để dễ hiểu và đồng nhất với các chương khác, ban biên tập chuyển thành thuật ngữ “Thiên tai”.



của lũ lụt của hộ dân ở khu vực ở cùng trung sẽ cao hơn hộ dân ở vùng cao. Nếu một người chỉ đến một nơi bị nào đó bị bão, mức độ phơi bày trước bão của người đó tăng lên. Nếu người đó phải liên tục di chuyển trong vùng lũ, họ sẽ có nguy cơ cao gặp nhiều rủi ro lũ lụt. Ngược lại, nếu được cảnh báo sớm và những người dân được sơ tán kịp thời, mức độ phơi bày trước thiên tai của họ giảm đi (IPCC, 2012 trang 237).

Ví dụ, để đối phó với cơn bão Damrey (cơn bão số 7 năm 2005), Huyện Hậu Lộc (tỉnh Thanh Hóa) đã di dời được 29.000 dân trong vòng 3 ngày trước bão (từ ngày 24 đến ngày 26/9/2005) lên các nhà kiên cố cao tầng trong thôn, trường học và khu hành chính ở trên thị trấn (JANI, 2011 trang 26). Tương tự như vậy, việc di dời 60.000 dân (khoảng 16.000 hộ gia đình) kịp thời ở tỉnh Quảng Nam trước cơn bão số 9 (bão Ketsana) cuối tháng 9 năm 2009 đã giảm thiểu mức thiệt hại về người và tài sản của nhân dân và chính quyền (JANI, 2011 trang 28).

**Đánh giá Tình trạng dễ bị tổn thương (Vulnerability):** là việc nhận biết các điều kiện tự nhiên, xã hội, kinh tế và môi trường hoặc các đặc điểm của các quá trình/quy trình hoạt động sản xuất của con người, mà vì các điều kiện/đặc điểm đó có khả năng làm tăng nguy cơ một cá nhân và/hoặc cộng đồng phải chịu tác động đến các thiên tai khác nhau (UNISDR, 2004; Dự thảo Thuật ngữ 2016).

Các nguồn thông tin kiến thức chủ yếu liên quan đến tình trạng dễ bị tổn thương thường được thu thập từ:

- Các kiến thức địa phương, kinh nghiệm bản địa
- Các chỉ số kinh tế xã hội của địa phương, chính quyền
- Các báo cáo đánh giá phân tích kinh tế, tài chính, báo cáo xã hội học (nhân chủng, dân tộc, văn hóa, hệ chính trị, v.v)

Việc đánh giá này nhằm nhận biết ai, cái gì chịu rủi ro đối với mỗi loại thiên tai và tại sao chúng có rủi ro (phân tích nguyên nhân căn bản). Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương sẽ giúp nhận biết được đâu là các cá nhân, hộ gia đình, các nhóm dân cư, tài sản và hoạt động sản xuất dễ chịu ảnh hưởng nhất từ thiên tai nào đó. Ví dụ: mặc dù cùng có nguy cơ thiên tai và mức độ phơi bày trước thiên tai như nhau, nhưng hộ nghèo thường sẽ dễ bị tác động tiêu cực của thiên tai hơn các hộ dân có điều kiện sống trung bình và khá giả.

Đánh giá tình trạng tổn thương là một trong hai điều kiện đủ để có thể xác định xem một cá nhân hay cộng đồng đang ở trên một địa bàn nhất định có bị tác động của thiên tai hay không. Ví dụ: Một hộ nông dân mà sinh kế chính của gia đình là nông nghiệp (dễ bị tổn thương với các điều kiện khí hậu, sinh kế phụ thuộc vào thời tiết), và sống ở vùng thường xuyên có lũ thì nhiều khả năng sẽ thường xuyên xảy ra mất mùa đói kém do lũ.

Trong thực tế, việc đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương là việc tập hợp nhiều điều kiện và đặc điểm có yếu tố bất lợi của một cá nhân hoặc một cộng đồng trong việc đối phó với thiên tai trên nhiều góc độ (tự nhiên, xã hội, kinh tế, môi trường, và quá trình/quy trình khác nhau). Một hộ dân càng có nhiều điều kiện dễ bị tổn thương thì sẽ càng dễ có nguy cơ bị tổn thất với các thiên tai.

**Đánh giá Năng lực (Capacity):** là khái niệm để chỉ quá trình nhận biết và xác định các nguồn lực và năng lực của con người hoặc của cộng đồng nhằm phòng tránh, ứng phó và phục hồi từ những tác động của các thiên tai. Năng lực ở đây được hiểu bao gồm việc kiểm soát và quản lý các nguồn lực tài chính, tài nguyên thiên nhiên, các kiến thức, kinh nghiệm và chuyên môn trong việc quản lý tổ chức quy hoạch tại địa phương để quản lý, giảm nhẹ rủi ro thiên tai và tăng cường khả năng chống chịu.

Việc đánh giá năng lực cũng được hiểu là quá trình tổng hợp các nguồn lực, điểm mạnh và đặc tính sẵn có trong từng cá nhân, cộng đồng, xã hội và tổ chức có thể được sử dụng nhằm giảm các rủi ro do một thiên tai nhất định gây ra. Năng lực có tính động và thay đổi tùy theo hoàn cảnh cụ thể. Việc đánh giá năng lực cũng được coi là điều kiện đủ thứ hai để xác định mức độ rủi ro thiên tai của cá nhân hoặc cộng đồng.

Lưu ý: Trong đánh giá rủi ro thiên tai, năng lực là khái niệm trái ngược với điều kiện dễ bị tổn thương. Năng lực dùng để chỉ các điểm mạnh/đặc điểm tích cực của người dân có thể thực hiện để đối phó với thiên tai. Tình trạng dễ bị tổn thương dùng để chỉ các điểm yếu/các điểm hạn chế mà người dân tại địa phương đang gặp phải khiến họ không thể giải quyết được các tác động tiêu cực trong hoàn cảnh thiên tai. Với mỗi cá nhân và cộng đồng khác nhau, năng lực cũng như tình trạng dễ bị tổn thương của họ là khác nhau.

**Như vậy, đánh giá mức độ rủi ro thiên tai (Risk)** là quá trình tổng hợp các đánh giá về thiên tai, mức độ phơi bày, các điều kiện dễ bị tổn thương và năng lực của cá nhân hoặc cộng đồng để đưa ra các nhận định, ước lượng về mức độ nguy cơ tổn thất mà thiên tai có thể gây ra về mặt kinh tế, xã hội, tự nhiên hay môi trường.

Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai là thước đo và phân loại các rủi ro thiên tai mà cá nhân, cộng đồng hay một hệ thống phải đối mặt. Đây là cơ sở cho kế hoạch giảm thiểu rủi ro của cộng đồng và các cơ quan nhà nước ở các cấp. Hiểu được rủi ro thiên tai, người ra có thể thiết lập thứ tự ưu tiên ở địa phương cho các hoạt động và phát triển cộng đồng sao cho các rủi ro và các chương trình khắc phục hậu quả có thể được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên của người dân để nắm được kiến thức ở địa phương và đảm bảo rằng các kế hoạch QLRRTT phù hợp với các vấn đề ở địa phương.